

BẢN CÁO BẠCH

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN
VNECO 3**



VNECO 3

“SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP”

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

(Giấy Chứng nhận ĐKKD số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần thứ nhất ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/07/2009)



VNECO 3

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: 331/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày 07/06/2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Trụ sở chính: Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Nghệ An
Điện thoại: 038 3855 619 Fax: 038 3855 263
Email: vneco3@gmail.com Website: www.vneco3.com.vn

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (TVSI)

Trụ sở chính: Số 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại: 04 37280921 Fax: 04 37280920
Email: contact@tvs.com.vn Website: www.tvs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Văn Từ
Chức vụ: Kế toán trưởng
Địa chỉ: Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
Điện thoại: 038 3855 619 máy lẻ 114 Fax: 038 3855 263



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3



VNECO 3

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	1.319.710 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết:	13.197.100.000 đồng (tính theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-39305163

Fax: 08-39304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (TVSI)

Địa chỉ: Số 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04 37280921

Fax: 04 37280920

Email: contact@tvsic.com.vn

Website: www.tvsic.com.vn





MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1.	Rủi ro về kinh tế.....	6
2.	Rủi ro về luật pháp	6
3.	Rủi ro đặc thù	6
4.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết	7
5.	Rủi ro khác.....	7
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	8
1.	TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3	8
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT.....	8
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT.....	9
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	10
1.	Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết.....	10
2.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty	11
2.1.	Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty	11
2.2.	Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty kể từ ngày cổ phần hóa.....	12
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	15
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	18
4.1.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên tại ngày 22/02/2010.....	18
4.2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	18
4.3.	Cơ cấu cổ đông.....	19
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	19
6.	Hoạt động kinh doanh	20
6.1.	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, sản phẩm chính	20
6.2.	Giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu giai đoạn 2007-2009	24
6.3.	Nguyên vật liệu	26
6.4.	Chi phí sản xuất.....	28
6.5.	Công nghệ sản xuất	29
6.6.	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	31
6.7.	Hoạt động Marketing.....	37
6.8.	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	37
6.9.	Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2009.....	38
7.	Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008-2009	39
7.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008-2009.....	39
7.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2009	39





8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.	41
9.	Chính sách đối với người lao động	42
10.	Chính sách cổ tức	44
11.	Tình hình tài chính	45
12.	Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	52
13.	Tài sản.....	61
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010	62
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết.....	64
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết:	64
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	65
1.	Loại chứng khoán.....	65
2.	Mệnh giá	65
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	65
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật	65
5.	Phương pháp tính giá	66
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.....	67
7.	Các loại thuế có liên quan	67
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI NIÊM YẾT.....	68
VII.	PHỤ LỤC	68





I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Nền kinh tế tăng trưởng hoặc giảm sút trực tiếp ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường xây dựng. Sự phát triển kinh tế luôn đi cùng với sự gia tăng các khoản đầu tư vào xây dựng hạ tầng cơ sở và xây dựng dân dụng. Ngược lại nếu nền kinh tế suy thoái, tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm, nguồn thu nhập của nền kinh tế giảm, dẫn tới nhu cầu về xây dựng hạ tầng và xây dựng dân dụng cũng giảm theo. Điều đó ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về lạm phát: Khi lạm phát ở mức cao, giá cả leo thang, giá các yếu tố đầu vào cho sản xuất tăng cao, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng như xi măng, sắt, thép... làm giá thành công trình cao, gây khó khăn cho ngành xây dựng và tác động trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

Rủi ro lãi suất: Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, nợ phải thu của khách hàng thường ở mức cao. Nếu lãi suất biến động theo chiều hướng đi lên, chi phí lãi vay cho phần vốn bị chiếm dụng sẽ cao, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Xây dựng điện VNECO 3 là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Luật xây dựng, Luật Đất đai, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán... bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được đánh giá là khá cởi mở. Tuy nhiên, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam chưa thực sự hoàn chỉnh, ổn định và chặt chẽ sẽ có ít nhiều tác động không tích cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Đặc thù của hoạt động xây lắp điện của Công ty là thời gian thi công của các công trình thường kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa việc giải ngân thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa Chủ đầu tư và nhà thầu thường mất rất nhiều thời gian. Tiến độ giải ngân và thanh quyết toán của các công trình chậm làm ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình tài chính của Công ty đặc biệt là tình hình công nợ phải thu, phải trả và dòng tiền hoạt động.

Mặt khác, trong lĩnh vực xây lắp, nếu chất lượng công trình không đảm bảo, các sự cố xảy ra đối với các công trình xây dựng thường có gây ra những ảnh hưởng không tốt đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các hậu quả và tác động xấu có thể kể đến là giảm sút hình ảnh của công





ty, làm giảm lòng tin của khách hàng, nhà đầu tư đối với công ty, dẫn tới việc làm, khách hàng giảm sút, hiệu quả kinh doanh của công ty suy giảm.

Với sự quyết tâm của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 VNECO 3 cam kết hạn chế rủi ro có thể gặp phải xuống mức tối thiểu.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu niêm yết

Ban lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị kỹ trước khi đưa cổ phiếu lên niêm yết tập trung trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trên cơ sở đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty, việc niêm yết cổ phiếu sẽ đem lại cho Công ty những cơ hội để quảng bá thương hiệu, tìm kiếm đối tác, nâng cao uy tín đối với khách hàng, tạo lập một kênh huy động vốn mới hiệu quả hơn.....

Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, giá cổ phiếu có thể thay đổi do tác động của các yếu tố như cung cầu, thông tin về nền kinh tế vĩ mô, thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc sự thay đổi về môi trường pháp luật... Đối với rủi ro này, Công ty có kế hoạch phòng ngừa và sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- VNECO 3 cam kết duy trì một Bảng tổng kết tài sản lành mạnh với danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao, duy trì cơ cấu tài chính vững mạnh, hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Công ty cam kết sẽ quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty theo hướng minh bạch, công khai hóa thông tin nhằm tạo niềm tin cho công chúng đầu tư.
- VNECO 3 có trách nhiệm chủ động định hướng thông tin và công bố thông tin nhằm giúp nhà đầu tư hiểu về nguyên nhân biến động của cổ phiếu Xây dựng điện VNECO 3.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như động đất, hạn hán, bão lụt, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo, mất điện đột ngột kéo dài gây ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm... Đặc biệt điều kiện thời tiết và khí hậu không ổn định tại khu vực miền Trung có thể sẽ có ảnh hưởng và tác động nhất định đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.





II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

- Ông Trần Văn Huy Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Đậu Ngọc Thanh Chức vụ: Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Từ Chức vụ: Kế toán trưởng
- Ông Nguyễn Thế Dũng Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Dũng
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Tân Việt (TVSI) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 cung cấp.





III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Công ty	:	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
Tổ chức niêm yết	:	Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
VNECO 3	:	Tên viết tắt của Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
TVSI	:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
TCT	:	Tổng công ty
UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán nhà nước
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
BCTC	:	Báo cáo tài chính
TSCĐ	:	Tài sản cố định
ĐKKD	:	Đăng ký kinh doanh
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3

Những từ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Chứng khoán năm 2006 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.





IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên công ty	:	Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3
Tên giao dịch	:	VNECO 3 ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	:	VNECO 3
Logo	:	



VNECO 3

Địa chỉ	:	Khối 3, Phường Trung Đô, Thành phố Vinh, Nghệ An
Điện thoại	:	038 – 3855 619
Fax	:	038 – 3 855 263
Email	:	vneco3@gmail.com
Website	:	www.vneco3.com.vn
Vốn điều lệ	:	13.197.100.000 đồng
Mệnh giá một cổ phần	:	10.000 đồng/cổ phần

Theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần thứ nhất ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/07/2009, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500KV; công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình điện;
- Chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng các kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông;
- Khai thác kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá;
- Xử lý nền móng công trình;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.





2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Công ty

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 được thành lập từ năm 1988. Khi mới thành lập được mang tên Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thuộc Công ty Xây lắp điện 3. Thực hiện lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp của Nhà nước, ngày 11 tháng 7 năm 2003 Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3 theo quyết định số: 122/2003/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp. Công ty là một đơn vị hạch toán độc lập, do Công ty xây lắp điện 3 giữ cổ phần chi phối. Là thành viên của Công ty Xây lắp điện 3 trong mô hình Công ty mẹ- Công ty con.

Tháng 12 năm 2005 Công ty Xây lắp điện 3 cổ phần hóa đổi tên thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO). Để phù hợp với tên gọi của Công ty mẹ trong tổ hợp Công ty mẹ – Công ty con, Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3 được đổi tên thành Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO 3.

Từ khi thành lập đến nay Công ty đã từng bước phát triển một cách vững chắc. Thời kỳ đầu Công ty chỉ sản xuất cột bê tông ly tâm phục vụ cho ngành điện nhưng sau một thời gian ngắn Công ty đã mở rộng ngành nghề. Ngoài việc sản xuất hàng ngàn cột điện bê tông ly tâm mỗi năm Công ty còn có các đơn vị xây lắp điện để thi công các công trình đường dây, trạm biến áp điện, đã tham gia thi công công trình đường dây 500kv Bắc Nam mạch 1 trong thời gian từ năm 1992 đến 1994 và cung cấp cột điện bê tông ly tâm cho các công trình đường dây và trạm tại miền Bắc, miền Trung và nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào

Sau này tất cả các công trình đường dây 500kv đều có sự tham gia của Công ty. Ngoài ra Công ty đã thi công hàng trăm km đường dây, hàng chục trạm biến áp với mọi cấp điện áp của các công trình điện khác ở khắp nơi trong cả nước từ đồng bằng đến miền núi, từ trong Nam ngoài Bắc.

Song song với việc phát triển ngành xây lắp điện, Công ty cũng đã mở rộng sang lĩnh vực gia công cơ khí và mạ nhúng nóng để phục vụ cho ngành điện và đã gia công hàng vạn tấn cột sắt và xà giá mạ nhúng kẽm cung cấp cho các công trình điện từ 500kv trở xuống tại khu vực miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

Nắm bắt quy hoạch phát triển đô thị tại Nghệ An và Hà Tĩnh, thực hiện mục tiêu phát triển Công ty theo hướng đa dạng hóa ngành nghề và sản phẩm, Công ty đã nhanh chóng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất ống cống bê tông ly tâm các loại để phục vụ cho việc làm đường, thoát nước ở các đô thị và cấp nước cho các công trình thủy lợi và đã cung cấp hàng vạn mét ống cống bê tông ly tâm với chất lượng cao cho các công trình ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Công





ty cũng đã đầu tư một số giàn ép cọc để xử lý nền móng các công trình xây dựng nhà cao tầng, cầu, cống...

Ngoài ra Công ty còn đầu tư vốn vào các nhà máy thủy điện để bảo đảm có một nguồn lợi nhuận lâu dài và bền vững.

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 có một bề dày về xây dựng và phát triển liên tục hàng chục năm từ cơ chế bao cấp sang cơ chế thị trường có sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ một đơn vị chuyên xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp, sản xuất cột bê tông ly tâm phục vụ cho ngành điện, VNECO 3 đã phát triển thêm một loạt ngành nghề sản phẩm khác như ống cống bê tông ly tâm, ép cọc xử lý nền móng công trình với một thị trường rộng khắp, một đội ngũ CBCNV có bề dày kinh nghiệm với những trang thiết bị phục vụ thi công và sản xuất dồi dào bảo đảm nâng cao chất lượng sản phẩm, công trình và bảo đảm tiến độ thi công ngày càng cao.

Công ty cũng đã áp dụng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN 9001- 2000 và nay là 9001-2008 và đã được tổ chức GLOBAL GROUP có trụ sở tại vương quốc Anh cấp giấy chứng nhận. Các sản phẩm bê tông ly tâm của Công ty cũng được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường khu vực 1 (Quatest 1) cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

2.2. Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty kể từ ngày cổ phần hóa

2.2.1. Sau khi cổ phần hóa

Ngày 11/07/2003, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp có quyết định số 122/2003/QĐ-BCN về việc chuyển Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh thành Công ty Cổ phần Xây lắp điện 3.3. Ngày 20/02/2006 Công ty Xây lắp điện 3.3 đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3.

Sau khi được cổ phần hóa, Công ty có mức vốn điều lệ là **6.087.100.000** đồng chia thành 60.871 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng.

Ngày 04/02/2007 Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua việc chia tách mệnh giá cổ phần từ 100.000 đồng xuống 10.000 đồng (Một cổ phần mệnh giá 100.000 đồng được chuyển thành 10 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng).





Cơ cấu cổ đông trước khi phát hành tăng vốn

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần (mệnh giá 10.000đ/cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	373.810	3.738.100.000	61,41%
2	Cổ đông khác	234.900	2.349.000.000	38,59%
	Cộng	608.710	6.087.100.000	100,00%

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

2.2.2. Phát hành tăng vốn lần 1

Ngày 04/02/2007, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ từ 6.087.100.000 đồng lên 10.000.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Phát hành cổ phiếu thưởng: 117.065 cổ phần.
- Phát hành cổ phiếu mới theo tỷ lệ 20:9 (cổ đông sở hữu 20 cổ phần được mua thêm 9 cổ phần mới với giá 10.000đồng/cổ phần). Tổng số cổ phần phát hành thêm là: 274.145 cổ phần.
- Mục đích phát hành: đầu tư các dự án mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty.

Cơ cấu cổ đông sau khi phát hành đợt 1 là:

TT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Số cổ phần tăng thêm	Giá trị (VND)	Tổng số cổ phần sau khi tăng	Giá trị (VND)
1	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	373.810	3.738.100.000	240.243	2.402.428.252	614.053	6.140.528.252
2	Cổ đông khác	234.900	2.349.000.000	150.967	1.509.671.748	385.867	3.858.671.748
	Tổng	608.710	6.087.100.000	391.210	3.912.100.000	999.920	9.999.200.000





2.2.3. Phát hành tăng vốn lần 2

Ngày 09/05/2007, Đại hội đồng cổ đông quyết định tăng vốn từ 9.999.200.000 đồng lên 16.500.000.000 đồng, chi tiết như sau:

- Phát hành cho cổ đông hiện hữu: 500.000 cổ phần
- Phát hành cho người lao động trong công ty: 150.080 cổ phần

Mục đích chào bán cổ phần: tham gia góp vốn vào dự án do Công ty mẹ làm chủ đầu tư gồm:

- Dự án cụm thủy điện do Công ty Đầu tư và phát triển Sông Ba làm chủ đầu tư
- Dự án xây dựng Nhà máy thủy điện Hồi Xuân – Thanh Hóa do Tổng Công ty CP Xây dựng điện (VNECO) làm chủ đầu tư.
- Dự án đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng do Tổng Công ty CP Xây dựng điện (VNECO) làm chủ đầu tư.

Tổng số cổ phần dự kiến phát hành là 650.080 cổ phần. Tuy nhiên do các cổ đông không mua hết nên số cổ phần phát hành thành công trong năm 2007 chỉ là: 314.961 cổ phần. Vốn điều lệ sau khi tăng là 13.148.810.000 đồng.

Do yêu cầu cấp thiết về vốn cho hoạt động SXKD, Công ty đã gia hạn thời gian nộp tiền mua cổ phần cho cổ đông tới tháng 02/2008. Cổ đông tiếp tục nộp tiền mua 4.829 cổ phần.

Cơ cấu cổ đông sau khi phát hành như sau:

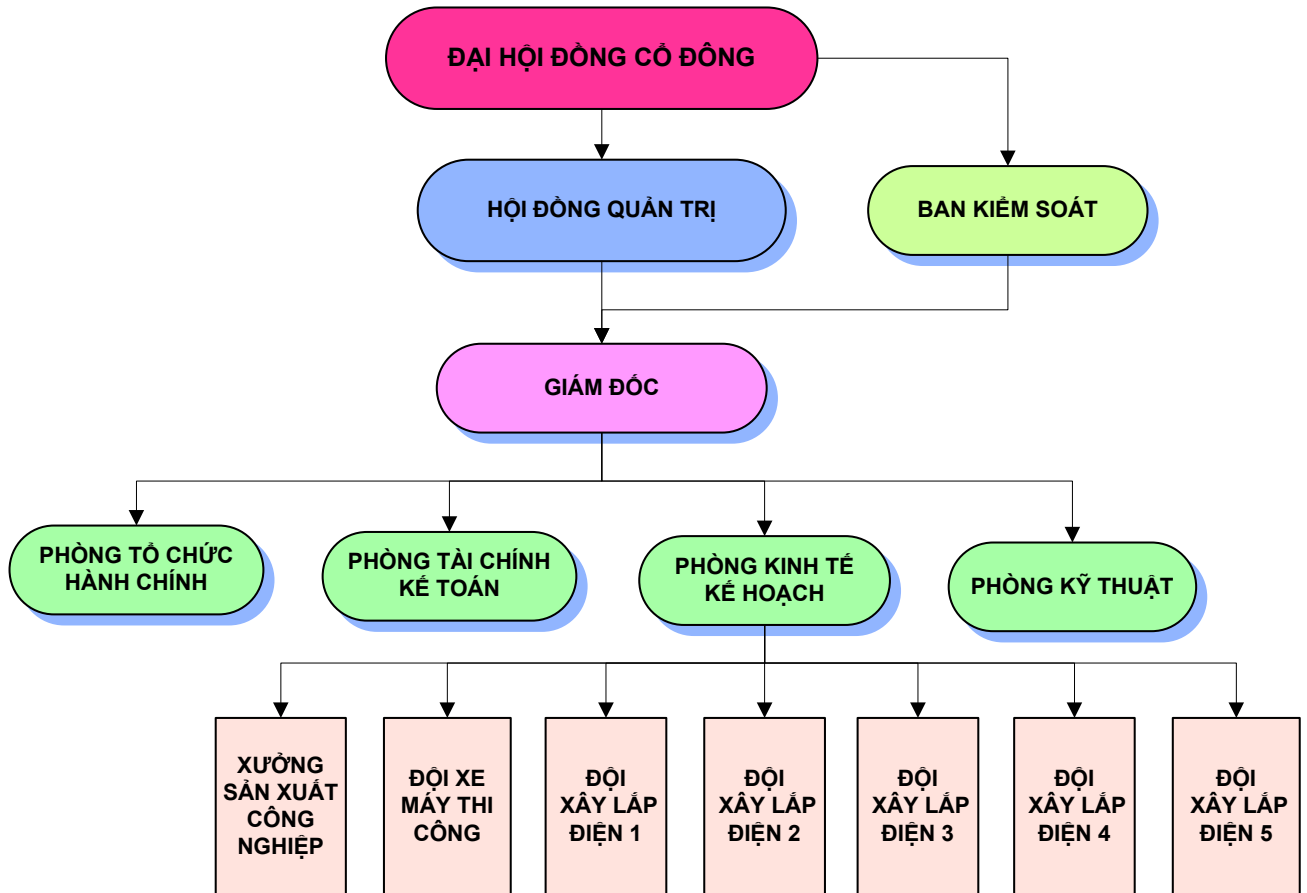
TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Số cổ phần tăng thêm	Giá trị (VND)	Tổng số cổ phần sau khi tăng	Giá trị (VND)
1	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam	614.053	6.140.528.252	84.519	845.191.748	698.572	6.985.720.000
2	Cổ đông khác	385.867	303.897.094	235.271	2.352.708.252	621.138	6.211.380.000
	Tổng	999.920	9.999.200.000	319.790	3.197.900.000	1.319.710	13.197.100.000

Đại hội đồng cổ đông đã thông qua báo cáo phát hành cổ phần tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 16/02/2008 và thay đổi vốn điều lệ lên 13.197.100.000đ.

Tháng 5/2008 theo yêu cầu của UBCKNN Công ty đã làm hồ sơ giải trình về việc tăng vốn và UBCKNN đã có công văn nhắc nhở về việc phát hành. Việc nhắc nhở này và nội dung tăng vốn như trên đã được báo cáo và thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 và năm 2010 của Công ty.



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



3.1 Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là đơn vị có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính năm; bầu và bãi nhiệm HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần đăng ký giao dịch; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty.

3.2 Hội đồng quản trị

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

HĐQT của VNECO 3 bao gồm 05 thành viên. HĐQT có trách nhiệm tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ.



3.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có 3 thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc.

3.4 Ban Giám đốc

Giám Đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm, là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.5 Các phòng ban nghiệp vụ

❖ Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc Công ty về các lĩnh vực:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý công tác thống kê kế hoạch, vật tư trong toàn Công ty;
- Đấu thầu, tìm kiếm việc làm;
- Quản lý về lĩnh vực kinh tế dự toán công trình, sản phẩm trong toàn Công ty;
- Tổ chức quản lý việc thu mua, bảo quản, cấp phát và sử dụng vật tư, thiết bị cho sản xuất, thi công các công trình, tiêu thụ sản phẩm;
- Quản lý xe, máy thi công.

❖ Phòng Kỹ thuật

Là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc Công ty quản lý và chỉ đạo thực hiện các công tác:

- Nghiên cứu đổi mới công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ mới. Quản lý quy trình kỹ thuật sản xuất thi công và vận hành thiết bị;
- Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, công trình và an toàn lao động, sáng kiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất;
- Công tác tiên lượng vật tư, đền bù giải phóng mặt bằng thi công;
- Thiết kế một số công trình xây dựng cơ bản nội bộ nhỏ lẻ.



**❖ Phòng Tài chính - Kế toán**

Là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán của Công ty

- Lập kế hoạch tài chính cho công ty;
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối thu chi; bảo đảm nguồn tài chính cho hoạt động của Công ty; tổ chức việc quản lý và sử dụng các nguồn vốn, quỹ;
- Soạn thảo quy chế tài chính Công ty;

❖ Phòng Tổ chức - Hành chính

Là bộ phận tham mưu giúp Giám đốc Công ty về:

- Công tác tổ chức bộ máy quản lý và sản xuất;
- Công tác cán bộ;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác thanh tra bảo vệ, tự vệ, quản lý công tác hành chính, thi đua, tuyên truyền và công tác văn thư lưu trữ.

3.6 Xưởng sản xuất và các đội xây lắp điện

- Xưởng Sản xuất công nghiệp: gồm 4 tổ sản xuất
- Đội xe máy thi công: gồm 01 tổ xe-máy và 02 tổ ép cọc
- Đội xây lắp điện 1: gồm 2 tổ xây lắp
- Đội xây lắp điện 2: gồm 2 tổ xây lắp
- Đội xây lắp điện 3: gồm 2 tổ xây lắp
- Đội xây lắp điện 4: gồm 2 tổ xây lắp
- Đội xây lắp điện 5: gồm 1 tổ xây lắp





4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty trở lên tại ngày 22/02/2010

Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)	Giá trị (1.000 đ)
Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)	0400101450	234 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	698.572	52,93%	6.985.720

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900576216 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp lần thứ nhất ngày 20/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 11/07/2009 của Công ty như sau:

TT	Tên	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1	Tổng công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)	234 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng	698.572	52,93%
2	Hoàng Minh An	Phường Lê Mao, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	8.385	0,64%
3	Trần Thị Phương Mai	Phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	16.437	1,25%
4	Nguyễn Khắc Thân	Khối 10, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, Nghệ An	18.912	1,43%
5	Nguyễn Văn Từ	Xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	24.404	1,85%
6	Phan Tất Trung	Phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	13.001	0,99%

Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần kể từ ngày 20/11/2003 do vậy đến hết ngày 20/11/2006, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.





4.3. Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của VNECO 3 tại thời điểm 22/02/2010

TT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông tổ chức	698.572	6.985.720.000	52,93%
2	Cổ đông cá nhân	621.138	6.211.380.000	47,07%
	Tổng	1.319.710	13.197.100.000	100,00%
1	Cổ đông trong nước	1.319.710	13.197.100.000	100,00%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00%
	Tổng	1.319.710	13.197.100.000	100,00%

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty mẹ

Tên công ty	:	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Tên tiếng Anh	:	Vietnam Electricity Construction Joint Stock Corporation
Tên viết tắt	:	VNECO
Trụ sở chính	:	234 Nguyễn Văn Linh, Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	:	0511.356 2361
Fax	:	0511 356 2367
Website	:	www.vneco.vn
Tỷ lệ sở hữu đối với VNECO 3	:	52,93%

Công ty con: VNECO 3 không có công ty con.





6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, sản phẩm chính

6.1.1. Hoạt động xây lắp điện

VNECO 3 hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, nguồn điện, xây lắp hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500 kV. Công ty đã tham gia thi công hàng trăm km đường dây, hàng chục Trạm biến áp với mọi cấp điện áp của các công trình điện khác ở khắp nơi trong cả nước từ đồng bằng đến miền núi, từ trong Nam ngoài Bắc.

Hiện nay Công ty có 1 đội xe-máy thi công, 5 đội xây lắp điện với tổng số cán bộ công nhân viên lên tới 165 người đã có chuyên môn, kinh nghiệm và gắn bó lâu dài với Công ty.

Một số công trình Công ty đã tham gia thi công gần đây:

TT	Tên công trình	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị (triệu đồng)
1	Thi công xây lắp ĐZ 220 Vinh – Hà Tĩnh	Tháng 12/2004	Tháng 12/2004 đến tháng 2/2005	7.622
2	Thi công xây lắp ĐZ 220 Yên Bái – Lào Cai	Tháng 1/2006	Tháng 1/2006 đến tháng 12/2007	3.092
3	Thi công xây lắp ĐZ 220 Tuyên Quang – Yên Bái	Tháng 1/2006	Tháng 1/2006 đến tháng 3/2007	6.340
4	Thi công xây lắp ĐZ 220 kV Bản Lả - Vinh	27/04/2006	Tháng 4/2006 đến tháng 2/2007	5.318
5	Thi công xây lắp ĐZ 500 kV Quảng Ninh - Thường Tín	27/04/2006	Tháng 4/2006 đến tháng 10/2007	5.239
6	Xây lắp lộ 473 trạm 110kV Thạch Linh – Thị xã Hà Tĩnh	22/4/2004	Tháng 4/2004 đến tháng 12/2005	5.158
7	Thi công xây lắp ĐZ 220 Tuyên Quang - Bắc Kạn – Thái Nguyên	Tháng 12/2007	Tháng 12/2007 đến tháng 4/2008	8.807
8	Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp 35 kV Dự án Nhà máy sản xuất bột đá Puzzoland	09/10/2008	Tháng 10/2008 đến tháng 2/2010	2.175





TT	Tên công trình	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị (triệu đồng)
	Nghĩa đàn.			
9	Thi công xây dựng công trình đường dây 500 kV Sơn La – Hoà Bình – Nho Quan	Tháng 3/2009	Tháng 3/2009 đến tháng 6/2010	6.561
10	Thi công công trình đường dây đầu nối sau trạm Vững Áng	Tháng 11/009	Tháng 11/2009 đến tháng 1/2010	850
11	Thi công công trình đường dây 500 kV Tân Định - Sông Mây	Tháng 1/2010	Tháng 1/2010 đến tháng 12/2010	4.500
12	Thi công công trình đường dây 500 kV Sơn La - Hiệp Hoà	Tháng 12/2009	Tháng 12/2009 đến tháng 11/2010	6.500
13	Thi công xây lắp ĐZ 220 kv Ô Môn - Sóc Trăng	Tháng 11/2009	Tháng 11/2009 đến tháng 6/2010	3.500
14	Thi công xây lắp ĐZ 220 kv Hàm Thuận – Phan Thiết	Tháng 6/2009	Tháng 6/2009 đến tháng 10/2009	2.500
15	Thi công xây lắp nâng cấp ĐZ 110 kv Trảng Bàng - Tây Ninh	Tháng 8/2009	Tháng 8/2009 đến tháng 10/2009	850

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

6.1.2. Hoạt động sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm

Cột điện bê tông ly tâm

VNECO 3 đã sản xuất cột bê tông ly tâm từ năm 1988. Mỗi năm Công ty đã cung ứng hàng ngàn cột điện cho các đơn vị xây lắp điện. Các công trình đường dây và trạm tại miền Bắc, miền Trung và nước cộng hoà dân chủ nhân dân Lào đã sử dụng sản phẩm này của Công ty.

Các sản phẩm bê tông ly tâm của Công ty đã được Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường khu vực 1 (Quatest 1) cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.



Sản phẩm bê tông ly tâm của VNECO 3



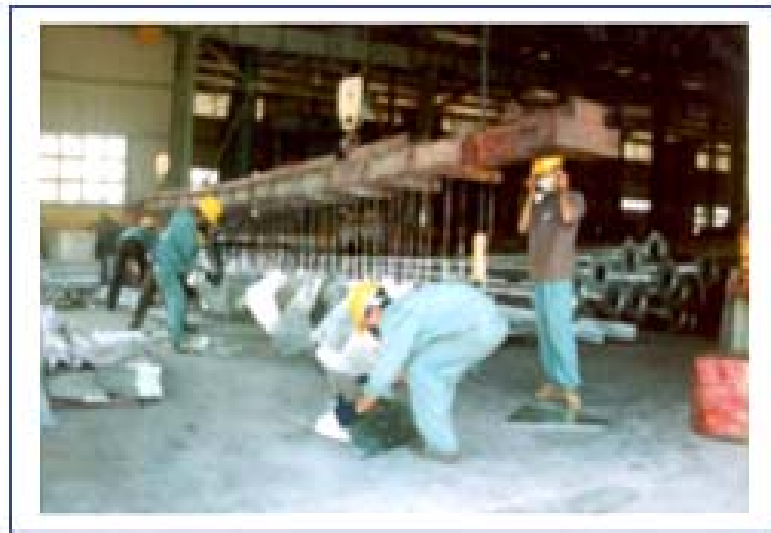
Gia công cơ khí

Song song với việc phát triển ngành xây lắp điện, Công ty cũng đã mở rộng sang lĩnh vực gia công cơ khí và mạ nhúng nóng để phục vụ cho ngành điện và đã gia công hàng vạn tấn cột sắt và xà giá mạ nhúng kẽm cung cấp cho các công trình điện từ 500kv trở xuống tại khu vực miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên.

*Một số hình ảnh về Dây chuyền gia công chế tạo
và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại VNECO 3*



*Một số hình ảnh về Dây chuyền gia công chế tạo
và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại VNECO 3*



Ống công bê tông ly tâm

Nắm bắt quy hoạch phát triển đô thị tại Nghệ An và Hà Tĩnh, thực hiện mục tiêu phát triển Công ty theo hướng đa dạng hóa ngành nghề và sản phẩm, Công ty đã nhanh chóng đầu tư thêm dây chuyền sản xuất ống công bê tông ly tâm các loại để phục vụ cho việc làm đường, thoát nước ở các đô thị và cấp nước cho các công trình thủy lợi và đã cung cấp hàng vạn mét ống công bê tông ly tâm với chất lượng cao cho các công trình ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Công ty cũng đó đầu tư một số giàn ép cọc để xử lý nền móng các công trình xây dựng nhà cao tầng, cầu, cống...

Ống công bê tông ly tâm



Hệ thống quản lý chất lượng của Công ty theo ISO 9001- 2000 và nay là 9001-2008 đã được tổ chức GLOBAL GROUP có trụ sở tại vương quốc Anh cấp giấy chứng nhận.

6.2. Giá trị sản xuất kinh doanh và doanh thu giai đoạn 2007-2009

Giá trị doanh thu thuần các sản phẩm dịch vụ chính qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

SẢN PHẨM	2007	Tỷ trọng	2008	Tỷ trọng	2009	Tỷ trọng
Tổng doanh thu thuần	12.071	100,00%	13.802	100,00%	15.135	100,00%
<i>Trong đó:</i>	-		-			
Xây lắp điện	9.345	77,42%	7.021	50,87%	11.037	72,92%
Sản xuất công nghiệp	2.532	20,97%	5.905	42,78%	3.502	23,14%
Ép cọc vận chuyển	194	1,61%	877	6,35%	596	3,94%

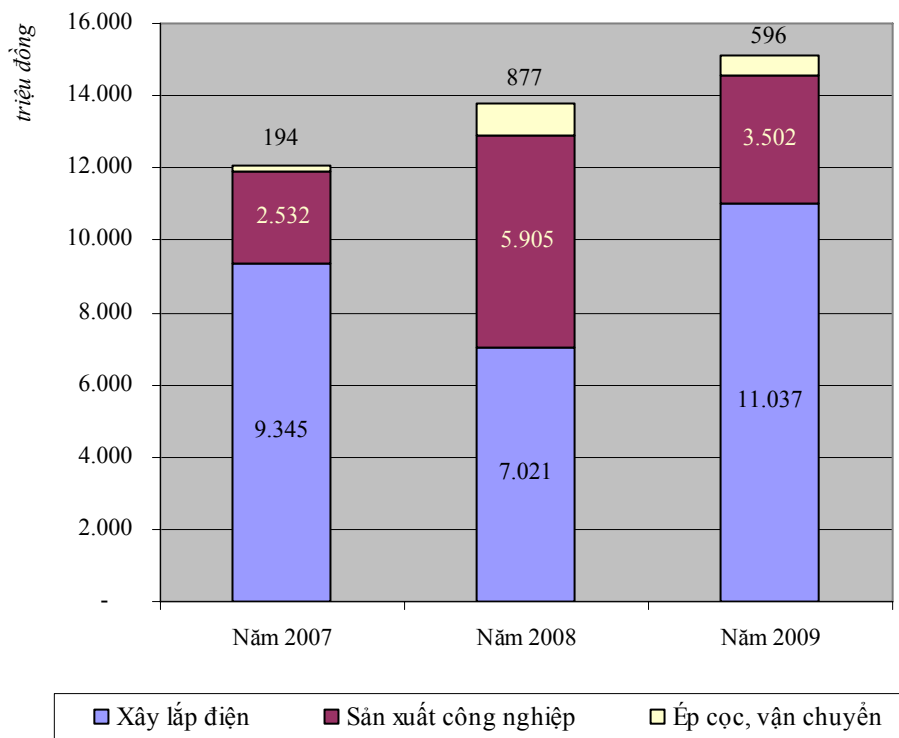
(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

Doanh thu từ hoạt động xây lắp điện chiếm tỷ trọng doanh thu chủ yếu của Công ty. Thông thường tỷ lệ doanh thu xây lắp chiếm khoảng hơn 70%. Năm 2008, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, căn cứ trên tình hình thực hiện và nghiệm thu thực tế, Công ty đã phải điều chỉnh kế hoạch giảm doanh thu hoạt động xây lắp. Doanh thu sản xuất công nghiệp năm 2008 tăng do tháng 10/2008, để kỷ niệm 220 năm Phụng hoàng Trung Đô Vinh, 45 năm thành phố Vinh và đón nhận quyết định của Thủ tướng Chính phủ công nhận thành phố Vinh là đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh Nghệ An, nhiều công trình đã được gấp rút xây dựng, cải tạo nâng cấp, chính vì vậy nhu cầu sản phẩm ống công cho công trình thoát nước tăng.



Tổng doanh thu sản phẩm dịch vụ năm 2009 đạt 15,13 tỷ đồng, tăng 9,66% so với năm 2008. Trong đó doanh thu hoạt động xây lắp điện tăng 57,2% còn doanh thu các hoạt động khác giảm.

CƠ CẤU DOANH THU



Số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của VNECO 3 tại ngày 31/12/2009 là 1.470.129.317 đồng. Đây là chi phí sản xuất dở dang của các công trình Công ty đang thực hiện, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là công trình Đường dây 500kV Sơn La – Hòa Bình – Nho Quan, Cải tạo lưới điện trung hạ thế thị xã Hà Tĩnh, đường dây 220kV Ô Môn – Sóc Trăng. Doanh thu các công trình sẽ được ghi nhận sau khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng.



Cơ cấu lợi nhuận sau thuế các sản phẩm dịch vụ chính qua các năm

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	SẢN PHẨM	2007	Tỷ trọng	2008	Tỷ trọng	2009	Tỷ trọng
I	Tổng lợi nhuận trước thuế	1.142	100,00%	1.447	100,00%	2.326	100,00%
1	Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	656	57,44%	1.275	88,11%	2.019	86,80%
	<i>Trong đó:</i>						
	<i>Xây lắp điện</i>	730	111,31%	330	25,85%	967	47,89%
	<i>Sản xuất công nghiệp</i>	306	46,66%	1.063	83,35%	1.005	49,78%
	<i>Ép cọc vận chuyển</i>	-14	-	61	4,77%	-67	-
	<i>Hoạt động tài chính</i>	-366	-	-178	-	114	5,65%
2	Lợi nhuận khác	486	42,56%	172	11,89%	307	13,20%
II	Thuế TNDN	160		203		407	
III	Lợi nhuận sau thuế	982		1.245		1.919	

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

Năm 2008, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh được mang lại chủ yếu nhờ hoạt động sản xuất công nghiệp (83,35%). Năm 2009, tổng lợi nhuận năm 2009 đạt hơn 2 tỷ đồng, tăng 58,35% so với năm 2008, đây lợi nhuận từ hoạt động sản xuất công nghiệp xuống giữ tỷ trọng 49,78% tổng lợi nhuận trước thuế, mặc dù hoạt động này vẫn giữ mức lợi nhuận tương đương năm 2008. Năm 2009, lợi nhuận từ hoạt động xây lắp điện tăng cao so với năm 2008 (tăng 93,03%) do các công trình đã hoàn thành đưa vào vận hành.

6.3. Nguyên vật liệu

- **Nguồn nguyên vật liệu**

Các loại vật tư chủ yếu thường xuyên là các vật tư chính phục vụ sản xuất cột điện, ống công bê tông cốt thép ly tâm, các sản phẩm bê tông đúc sẵn và thiết bị đường dây. Các loại vật tư này thường được cung cấp bởi của các nhà cung ứng thường xuyên của Công ty.

Công ty lựa chọn đơn vị cung cấp dựa vào các tiêu chí sau:

- Chất lượng vật tư phải đảm bảo yêu cầu của sản xuất và dịch vụ vận chuyển.
- Giá cả và phương thức thanh toán phù hợp với điều kiện tài chính của Công ty.
- Có năng lực về sản lượng, tài chính cũng như kinh nghiệm và sản xuất cần thiết để đáp ứng nhu cầu về hàng hoá của Công ty.





- Các đơn vị cung cấp lâu dài của Công ty bao gồm:

TT	Nguyên vật liệu	Nhà cung cấp
1	Thép Thái Nguyên	Chi nhánh công ty gang thép Thái Nguyên tại Nghệ An
2	Xi măng Nghi Sơn	Công ty CP Trường Hải
3	Cát Nam Đàn	Công ty CP Hùng Hưng
4	Đá Hoàng Mai	Công ty CP Khai thác đá Nghệ An

Đây là những nhà cung cấp thường xuyên của Công ty theo đó nguồn nguyên vật liệu được đảm bảo giá cả ổn định hơn và có chất lượng đúng chủng loại ghi trên nhãn mác.

- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới chi phí và lợi nhuận

Năm 2009 tình hình lạm phát trên thế giới chưa được cải thiện, giá cả trong nước một số mặt hàng thiết yếu không ổn định ảnh hưởng không nhỏ đến lợi nhuận và doanh thu của Công ty. Tuy nhiên Chính phủ đã có những gói kích cầu kịp thời nhằm kìm chế lạm phát nên phần nào cũng đã giúp cho doanh nghiệp giảm bớt những khó khăn.

TT	Nguyên vật liệu	Đơn vị	Năm 2007	Năm 2008		Năm 2009	
			Đơn giá	Đơn giá	Thay đổi so với năm 2007	Đơn giá	Thay đổi so với năm 2007
1	Thép	đồng/tấn	11.200.000	17.333.000	6.133.000	11.885.000	685.000
2	Xi măng	đồng/tấn	739.500	920.000	180.500	956.000	216.500
3	Cát	đồng/m ³	32.200	36.300	4.100	49.700	17.500
4	Đá	đồng/m ³	147.000	215.000	68.000	202.000	55.000

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

Thép và xi măng: là hai mặt hàng có nguồn cung cấp dồi dào trên thị trường, Công ty lựa chọn nhà cung cấp là các bạn hàng lâu năm, có uy tín, luôn đảm bảo về số lượng, chủng loại, chất lượng và giá cả hợp lý. Nhà cung cấp thép chính của Công ty là Công ty Gang thép Thái Nguyên. Nhà cung cấp xi măng chính là Công ty Xi măng Nghi Sơn.





Cát, đá: Công ty thường ưu tiên lựa chọn nhà cung cấp tại địa phương vì giá thành thấp, tiết kiệm chi phí và thời gian vận chuyển.

Công ty áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001:2008 đối với nguồn nguyên liệu đầu vào, đảm bảo yêu cầu chất lượng đặt ra, tránh tiêu hao lãng phí để kiểm soát được chi phí một cách tối ưu.

- **Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu xây dựng**

VNECO 3 đã có quá trình hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng điện nhiều năm do đó Công ty đã xây dựng được một mạng lưới các nhà cung cấp nguyên vật liệu trong ngành xây dựng điện với nguồn hàng luôn phong phú, cung cấp kịp thời, đúng tiến độ. Hơn nữa nguồn nguyên vật liệu của công ty là các vật tư xây dựng thông thường như thép, xi măng, cát, đá... nên số lượng và chủng loại vật tư đều được đảm bảo. Vấn đề quan trọng đối với Công ty là phải nhập được nguồn nguyên liệu với giá hợp lý. Trong trường hợp có sự biến động về giá nguyên vật liệu, Công ty chủ động tìm biện pháp thương thảo với Chủ đầu tư điều chỉnh giá nguyên vật liệu, nhân công theo chính sách của Nhà nước tại từng thời điểm và giai đoạn thi công.

6.4. Chi phí sản xuất

Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm, tỷ trọng trên doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2007		Năm 2008		Năm 2009	
	Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần	Giá trị	%/Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán	9.300	77,05%	10.298	74,61%	11.358	75,04%
Chi phí bán hàng	9	0,07%	0	0,00%	0	0,00%
Chi phí quản lý DN	1.740	14,42%	2.051	14,86%	1.908	12,61%
Chi phí tài chính	394	3,26%	203	1,47%	-36	-
Chi phí khác	181	1,50%	258	1,87%	73	0,48%
TỔNG	11.624	96,30%	12.811	92,81%	13.303	87,89%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2007, 2008 và 2009)





Nhìn chung tỷ lệ chi phí trên doanh thu của Công ty qua các năm tương đối ổn định và có xu hướng giảm. Trong đó giá vốn hàng bán giảm từ 77,05% trong năm 2007 xuống còn 74,61% năm 2008 và 75,04% trong năm 2009. Như vậy có thể thấy mặc dù bị ảnh hưởng bởi tình hình lạm phát, giá nguyên vật liệu biến động tuy nhiên do sản xuất có kế hoạch nên Công ty vẫn đảm bảo tỷ lệ chi phí trên doanh thu khá hợp lý. Công ty luôn chú trọng cải thiện, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí theo hệ thống chất lượng để đạt tỷ lệ lợi nhuận cao hơn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ.

6.5. Công nghệ sản xuất

Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 đã đầu tư thiết bị thi công xây lắp, các dây chuyền sản xuất, các thiết bị sản xuất tiên tiến. Chi tiết có thể kể đến một số máy móc thiết bị sau:

TT	Tên máy móc thiết bị	Nhãn hiệu	Công suất	Số lượng	Năm sản xuất
	Thiết bị thi công xây lắp				
1	Xe U-óat cứu thương.	Liên xô cũ	9 chỗ ngồi	01	1986
2	Xe IFA gắn cầu UNIC	Đức	5 tấn	01	1989
3	Xe cầu ADK	Đức	12,5 tấn	01	1989
4	Xe cầu CMK-10	Liên xô cũ	10 tấn	01	1990
5	Xe IFA ben	Đức	5 tấn	01	1988
6	Xe IFA ben L60	Đức	6 tấn	01	1990
7	Xe MAZ sơ mi 504B	L.xô cũ	12 tấn	01	1988
8	Xe Huyn đai gắn cầu 10 tấn	Hàn quốc	11 tấn	01	1994
9	Xe Zin 130	Liên xô cũ	5 tấn	01	1988
10	Máy kéo xích ủi T130	Liên xô cũ	170CV	01	1989
11	Máy ép cọc BTCT thủy lực 250 tấn	Việt Nam	250 tấn	01	2007
12	Máy ép cọc BTCT thủy lực 200 tấn	Việt Nam	200 tấn	01	2004
13	Máy trộn Bê tông GX-160 - 8HP	Pháp	250 lít	04	2001
14	Máy trộn Bê tông JZC-250	Trung Quốc	250 lít	03	1999
15	Máy đầm dùi Hon da G-160 5.5HP	Nhật	5.5CV	02	1998
16	Máy đầm dùi động cơ nổ HVE-FS và đầu hút bùn	Nhật	5,5CV	05	1998
17	Máy bơm nước động cơ nổ ROBIN	Nhật	24m3/giờ	04	1998
18	Máy bơm nước D6, Đ8	Trung Quốc	60m3/giờ	05	1998
19	Bộ dụng leo cần bích FaT120 -16m	Italia	5 tấn	01	2001
20	Bộ dụng leo cần bích FaT120 -16m	Việt nam	5 tấn	02	2005
21	Bộ dụng trụ leo F 100-16m	Việt nam	5 tấn	04	2003





TT	Tên máy móc thiết bị	Nhãn hiệu	Công suất	Số lượng	Năm sản xuất
22	Pa lăng xích	Nhật	5 tấn	06	2002
23	Bộ tăng hãm dây	Việt nam	5 tấn	02	2000
24	Máy tời động cơ nổ	Việt-Nhật	TTD5000	04	2000
25	Máy tời diezen + Tang hãm dây	Nhật		01	2000
26	Kìm cắt thủy lực	Nhật	15 tấn	01	2000
27	Máy ép thủy lực + Đầu đột	Nhật	50 tấn	01	1999
28	Máy ép thủy lực động cơ nổ	Nhật	100 tấn	03	2003
29	Máy phát hàn chạy xăng MPM5/170-1	Italia	7.5 kW	01	1998
30	Máy phát hàn ACD 300	L.xô	30 kW	01	1996
31	Máy kinh vĩ THEO-020A	Đức		02	1996
	Thiết bị gia công cơ khí và mạ kẽm				
1	Máy cắt đột liên hợp CD-13A	Việt Nam	7.5 kW	02	1995
2	Máy cắt tôn tôn con rùa	Trung Quốc	CG1-31	02	2000
3	Máy tiện T6 30L	Việt Nam	11 kW	01	1995
4	Máy tiện T6 M16	Việt Nam	4.5 kW	01	1995
5	Máy tiện T18	Việt Nam	4.5 kW	01	1995
6	Máy khoan đứng K125	Liên xô cũ	4.5 kW	01	1995
7	Máy khoan cần K525	Việt Nam	4.5 kW	02	1995
8	Máy dập	Việt Nam	60 tấn	01	
9	Máy hàn điện hồ quang	Việt Nam	15-24 kV	07	1987-1997
10	Lò mạ kẽm 12,5m	Việt Nam	12tấn/ca	01	1996
	Thiết bị sản xuất cột điện bê tông ly tâm và ống công ly tâm				
1	Cầu chân dê	Đức	12,5tấn	01	1987
2	Cần trục trong nhà	Đức	10 tấn	02	1987
3	Giàn quay + khuôn cột bê tông ly tâm 12-16m	Việt Nam	10 cột/ca	02	1992
4	Máy làm nòng thép	Việt Nam	20 nòng/ca	01	1992
5	Giàn quay ống công	Việt Nam	60m/ca	2	1999;2006
6	Khuôn ống công F 400	Việt Nam		03	2002;2006
7	Khuôn ống công F 500	Việt Nam		02	2002;2006
8	Khuôn ống công F 600	Việt Nam		02	1999
9	Khuôn ống công F 750	Việt Nam		04	2002;2006
10	Khuôn ống công F 800	Việt Nam		01	2003
11	Khuôn ống công F1000	Việt Nam		03	2002;2003





TT	Tên máy móc thiết bị	Nhãn hiệu	Công suất	Số lượng	Năm sản xuất
12	Khuôn cột 10,5m	Việt Nam		03	1998;2002
13	Khuôn cột 12m	Việt Nam		03	1998
14	Khuôn cột 8m	Việt Nam		01	1999
15	Khuôn cột 8,4m	Việt Nam		01	1995
16	Khuôn cột 8,5m	Việt Nam		03	1999,2002
17	Khuôn cột 9,5m góc	Việt Nam		01	1998
18	Khuôn cột 14m	Việt Nam		02	2002
19	Thiết bị lò hơi	Việt Nam		01	2007
	Thiết bị dụng cụ kiểm tra				
1	Tetromet Kyoritsu MODEL4102	Nhật		01	1998
2	Megômet 2500V Kyoritsu MODEL3121	Nhật		01	1998
3	Thiết bị thử lực đầu cột	Việt Nam		01	1994
4	Súng thử mác Bê tông C-181	Italia		01	2007
5	Cầu đo trở một chiều P-3007T	Nhật		01	2000
6	Máy kinh vĩ THEO-020A	Đức		01	1997
7	Đồng hồ vạn năng	Nhật		01	2000
8	Máy siêu âm MiNiTest 600B	Đức		01	2000
9	Bộ côn thử độ sụt loại N1	Việt Nam		01	2007
10	Máy ép 3 cạnh	Việt Nam		01	2007

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

6.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

6.6.1. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Tháng 7 năm 2006 Công ty đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và tiếp tục duy trì, liên tục cải tiến, thực hiện đầy đủ các cam kết về chất lượng.

Tổ chức tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000: VNECO 3 được tổ chức GLOBAL GROUP có trụ sở tại vương quốc Anh cấp giấy chứng nhận. năm 2006

Từ tháng 8/2009 Công ty bắt đầu đưa vào áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

6.6.2. Các quy trình kiểm tra chất lượng

6.6.2.1. Quy trình đấu thầu xây lắp



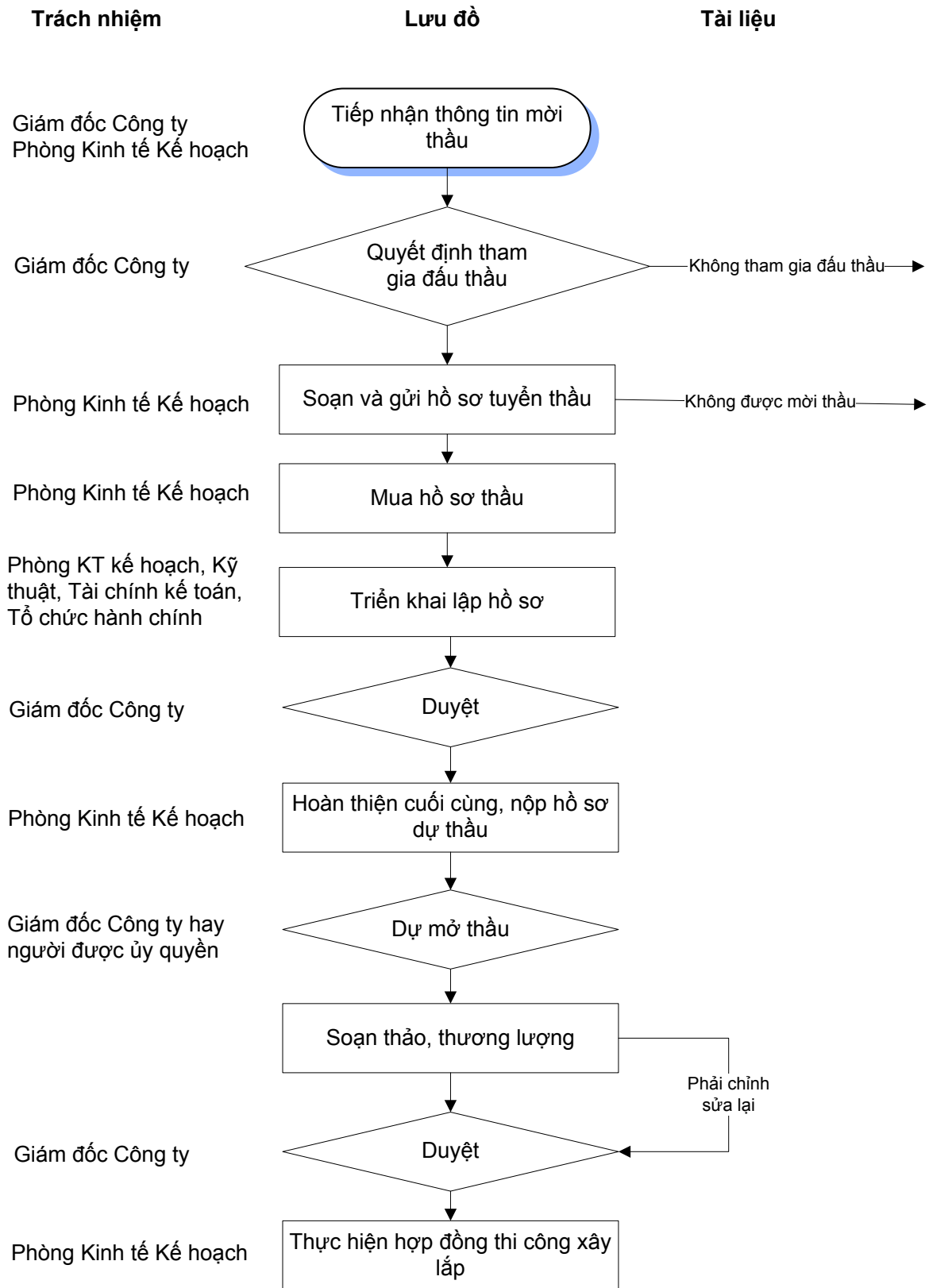


Quy trình nhằm hướng dẫn các cán bộ, nhân viên được giao soạn thảo, hoàn thiện và gửi hồ sơ sơ tuyển thầu xây lắp đáp ứng được chất lượng thông tin cần thiết về khả năng của Công ty thích ứng với bên mời thầu đặt ra.





QUY TRÌNH ĐẦU THẦU XÂY LẮP





6.6.2.2. Quy trình mua hàng

Quy trình mua hàng của Công ty được thiết lập để đảm bảo các sản phẩm và dịch vụ mua phù hợp với các yêu cầu theo quy định.

- Đối với các loại vật tư chủ yếu thường xuyên, đơn vị được chỉ định mua hàng căn cứ vào danh sách các đơn vị cung ứng được phê duyệt và thực hiện theo trình tự mua hàng theo quy định. Các loại vật tư chủ yếu thường xuyên là các vật tư chính phục vụ sản xuất cột điện bê tông cốt thép ly tâm, thiết bị đường dây của các nhà cung ứng thường xuyên của Công ty.

Việc lựa chọn đơn vị cung ứng phải dựa vào các tiêu chí sau:

- Chất lượng vật tư phải đảm bảo yêu cầu của sản xuất và dịch vụ vận chuyển.
 - Giá cả và phương thức thanh toán phù hợp với điều kiện tài chính của Công ty.
 - Có năng lực về sản lượng, tài chính cũng như kinh nghiệm và sản xuất cần thiết để đáp ứng nhu cầu về hàng hoá của Công ty.
- Đối với các loại vật tư phụ, nhỏ lẻ khác khi thực hiện quá trình mua hàng được phép bỏ qua các bước lựa chọn đơn vị cung ứng, nhưng phải đảm bảo chất lượng của vật tư, nguyên, nhiên liệu và tiến độ cung ứng.
 - Tất cả vật tư mua về phải được kiểm tra trước khi nhập kho.

6.6.2.3. Quy trình sản xuất sản phẩm bê tông ly tâm

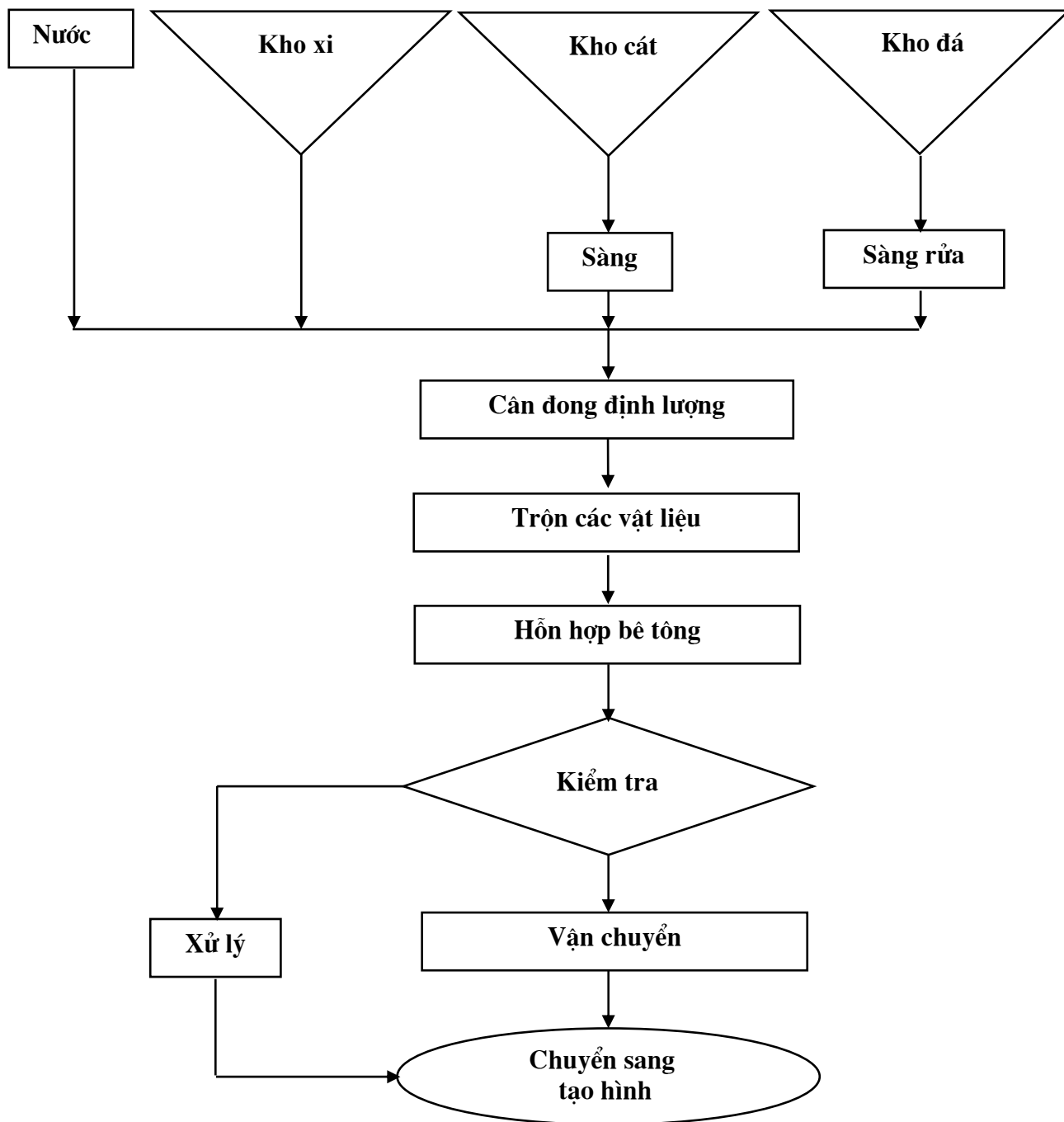
Quy trình sản xuất được thống nhất để đảm bảo sản phẩm sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo tiêu chuẩn.

Các loại vật tư dùng để sản xuất hỗn hợp bê tông được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi đưa vào sản xuất. Lưu đồ sản xuất hỗn hợp bê tông như sau:



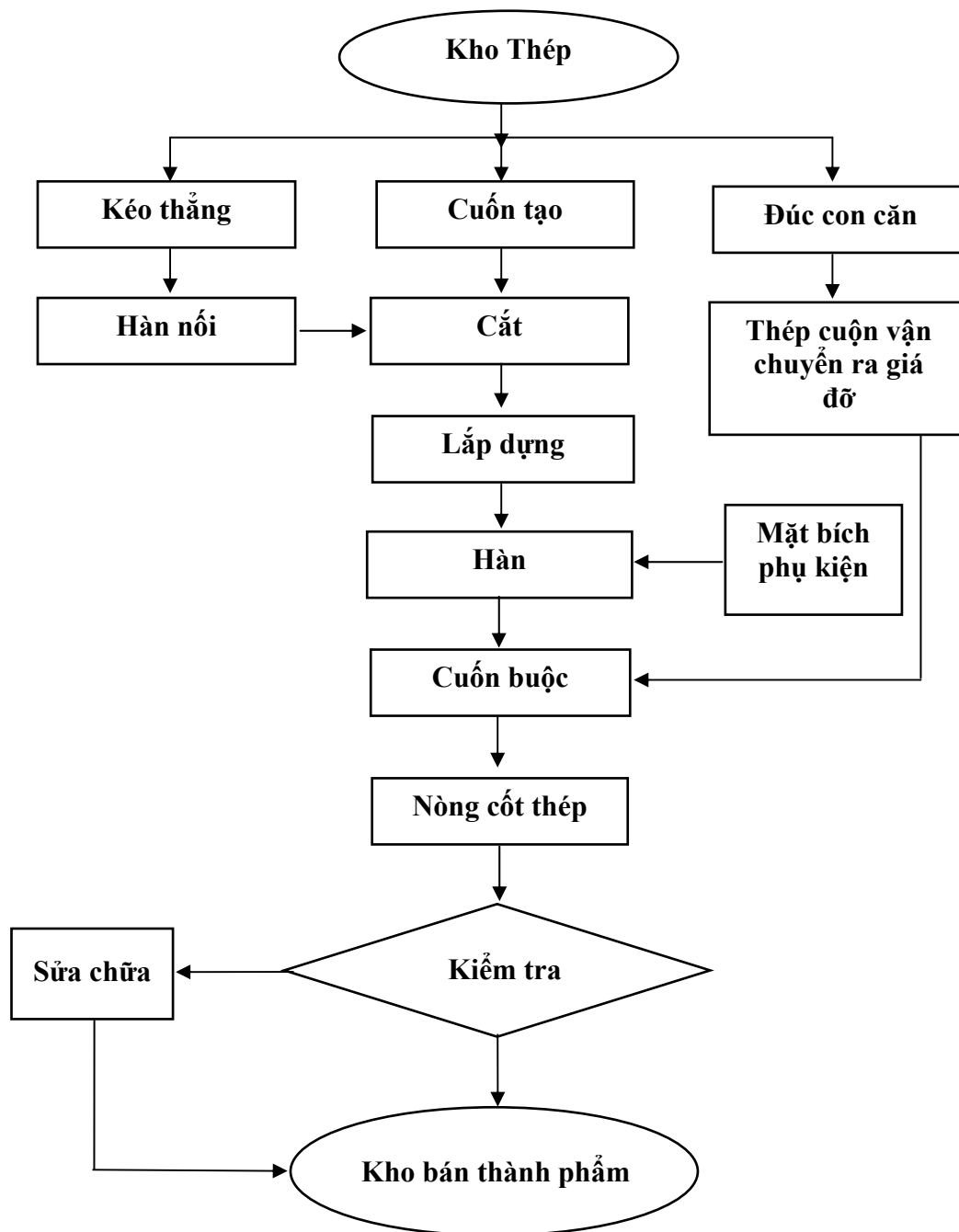


LƯU ĐỒ SẢN XUẤT HỖ HỢP BÊ TÔNG





LƯU ĐỒ SẢN XUẤT CỐT THÉP





- Sản phẩm sau khi được sản xuất xong được nhân viên KCS tiến hành kiểm tra theo các yêu cầu kỹ thuật về hình dáng kích thước theo TCXDVN 372-2006 đối với ống công bê tông ly tâm và theo TCVN 5847-1994 đối với cột điện bê tông ly tâm.
- Sản phẩm sản xuất ra được kiểm tra nhanh cường độ bê tông bằng súng bắn bê tông. Sau một lô sản phẩm sản xuất ra thì tiến hành lấy mẫu thử tải trọng theo TCXDVN 372-2006. và TCVN 5847-1994.
- Kết quả kiểm tra được ghi vào các biểu mẫu tương ứng, kết quả thử nghiệm bên ngoài được lưu ở Phòng kỹ thuật.

6.7. Hoạt động Marketing

- Hoạt động nghiên cứu thị trường

Phòng Kinh tế Kế hoạch của Công ty chịu trách nhiệm tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm thông tin đấu thầu các công trình điện. Phòng cũng thực hiện việc theo dõi, thống kê, phân tích thị trường và nghiên cứu các tác động có thể ảnh hưởng đến biến động giá nguyên liệu tới giá vốn công trình. Trong thời gian tới Công ty sẽ đầu tư thêm khuôn và thiết bị kéo thép dự ứng lực để sản xuất cột điện và cọc bê tông ly tâm dự ứng lực.

- Hoạt động quảng bá thương hiệu sản phẩm

Công ty đang đăng ký mở trang thông tin thương mại điện tử để nắm bắt thông tin và chào hàng; đã xây dựng biển quảng cáo để quảng bá sản phẩm và địa chỉ giao dịch.

Mục tiêu ưu tiên hàng đầu của công ty là nâng cao chất lượng thi công, tăng năng suất lao động; hoàn thành công trình đúng tiến độ, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh Trong thời gian tới Công ty tiếp tục đầu tư mới máy móc để sản xuất đồng thời nâng cao khả năng điều hành quản lý, phát triển lực lượng cán bộ kỹ thuật.

6.8. Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện nay VNECO 3 chưa đăng ký nhận hiệu thương mại và đang sử dụng biểu tượng của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam, phía dưới có thêm dòng chữ VNECO 3.



VNECO 3





6.9. Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết trong năm 2009

6.9.1 Đối với sản xuất công nghiệp (ống cống)

TT	Chủ đầu tư	Giá trị (triệu đồng)
1	Công ty CP Thương mại và xây dựng Hoàng Long	47,59
2	Công ty CP xây lắp Thành Vinh	23,28
3	Công ty TNHH Hoà Hiệp	281,67
4	Công ty CP Golf Biển Cửa Lò	94,50
5	Công ty CP xây dựng và thương mại 424	272,20
6	Công ty CP Thương mại và XNK Vinh Phương	37,72
7	HTX Trường Khánh- Trường Sơn – Đức Thọ - Hà Tĩnh	94,64
8	Công ty CP Xây dựng Phương Đông	71,06
9	Công ty CP đầu tư Xây dựng Uy Nam	717,95
Cộng		8.697,32

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

6.9.2 Các hợp đồng xây lắp

TT	Chủ đầu tư	Công trình	Giá trị (triệu đồng)
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Đường dây 500KV Sơn La - Hoà Bình - Nho Quan	6.561
2	Ban Quản lý dự án lưới điện Miền Trung	Đường dây 220 kV Hàm Thuận - Phan Thiết	2.500
3	Ban Quản lý dự án lưới điện Miền Nam	Đường dây 110 kV Trảng Bàng - Tây Ninh	1.843
4	Công trình VietTel	Lắp dựng cột thép và trạm, phát sóng	1.600
5	Ban Quản lý dự án lưới điện Miền Nam	Đường dây 220 kV Ô Môn - Sóc Trăng	3.500
6	Tập đoàn Việt Á	Đường dây 35 kV Nghĩa Đàn	2.000

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)





7. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008-2009

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008-2009

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2008	Năm 2009	% tăng giảm 2009 so 2008
Tổng giá trị tài sản	19.270	22.202	15,22%
Doanh thu thuần	13.802	15.135	9,66%
Lợi nhuận từ HĐKD	1.275	2.019	58,35%
Lợi nhuận khác	172	307	78,49%
Lợi nhuận trước thuế	1.447	2.326	60,75%
Lợi nhuận sau thuế	1.245	1.919	54,21%
Tỷ lệ cổ tức	7,00%	11,00%	4,00%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	74,23%	75,64%	1,41%

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008 và 2009)

Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2009 tăng 15,22% so với cuối năm 2008 do tài sản ngắn hạn tăng 26,38%, tài sản dài hạn giảm 7,56%. Về phía nguồn vốn thì nợ phải trả và vốn chủ sở hữu đều tăng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2009 đạt 1,919 tỷ đồng, tăng 54,21% so với năm 2008. Sở dĩ đạt được lợi nhuận này là do doanh thu tăng 9,66% so với năm 2008, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh. Năm 2010 VNECO 3 đặt kế hoạch doanh thu 25 tỷ đồng, tăng 65,18% so với năm 2009, lợi nhuận sau thuế đạt 2,4 tỷ đồng, tăng 25,07%.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2009

Thuận lợi

Được sự hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của Tổng công ty trong mọi mặt của hoạt động sản xuất kinh doanh về việc làm cũng như công tác điều hành quản lý Công ty.

- Mọi hoạt động của Công ty đều được sự thống nhất chỉ đạo của HĐQT và sự kiểm tra của Ban kiểm soát cho nên hiệu quả hoạt động quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh được nâng lên.
- Bộ máy quản lý điều hành đã từng bước đi vào ổn định, nắm bắt và chủ động trong công việc điều hành của hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Hầu như toàn bộ người lao động đều là cổ đông của Công ty cho nên ý thức làm chủ của người lao động được nâng lên một bước.



**Khó khăn**

- Năm 2009 Nền kinh tế thế giới vẫn còn suy thoái làm ảnh hưởng đến nền kinh tế toàn khu vực trong đó có Việt Nam. Chính phủ hạn chế, thắt chặt chi tiêu công dẫn tới các công trình xây dựng năm 2009 triển khai ít. Các công trình của các thành phần kinh tế khác do thiếu vốn cũng bị giãn tiến độ, tạm dừng thi công. Mặt hàng ống cống bê tông ly tâm của Công ty chủ yếu phục vụ các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng trong tỉnh, khi các dự án bị giãn tiến độ dẫn tới việc ký kết hợp đồng cho khối sản xuất công nghiệp gặp khó khăn, giá trị đơn hàng mới nhận không lớn.
- Thời tiết khắc nghiệt cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh, đặc biệt là ngành nghề xây lắp của Công ty.
- Giá cả các loại vật tư liên tục biến động, lạm phát gia tăng, thị trường tài chính tiền tệ xuất hiện những yếu tố bất lợi nên ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- Bộ máy quản lý điều hành của VNECO 3 tuy mới được bầu lại hoạt động chưa thật đồng bộ. Trước những biến động bất lợi của nền kinh tế Công ty có chủ trương thu hẹp hoạt động để bảo toàn vốn, tránh thua lỗ nên cũng phần nào ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.
- Các dây chuyền công nghệ hiện có đã lạc hậu và qua nhiều năm sử dụng nên xuống cấp, phải sửa chữa bảo dưỡng nhiều cho nên chi phí sửa chữa tăng lên.
- Vốn lưu động của Công ty còn ít nên thường xuyên phải vay vốn ngân hàng, tỷ lệ lãi suất cao dẫn tới chi phí tài chính tăng, lợi nhuận bị giảm sút.
- Ý thức làm chủ của người lao động chưa đổi mới thực sự. Năm 2008, 2009 tình hình kinh tế của đất nước bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế dẫn tới lạm phát tăng cao. Đời sống nhân dân, nhất là người làm công hưởng lương và có thu nhập chưa đáp ứng kịp với tốc độ lạm phát bị ảnh hưởng. Tư tưởng và tâm lý của cán bộ công nhân viên của VNECO 3 cũng không nằm ngoài luồng tâm lý trên. Tiền lương tối thiểu theo quy định của Nhà nước liên tục được điều chỉnh tăng trong khi một số công trình đang thi công không được điều chỉnh giá nên ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh và thu nhập của người lao động.
- Lực lượng người lao động được trẻ hoá đang trong quá trình tích lũy kinh nghiệm, tay nghề bình quân thấp, chưa xây dựng được tác phong công nghiệp.
- Các thủ tục đền bù, giải phóng mặt bằng của chủ đầu tư còn gặp nhiều vướng mắc, thời gian giải phóng mặt bằng kéo dài dẫn tới giảm hiệu quả nhân công, tăng chi phí công trình.





8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

- Về thương hiệu và thị trường: Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 là công ty con của Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam, hoạt động lâu năm trong ngành xây lắp điện. Công ty lâu nay đã được các ban Quản lý dự án các công trình điện biết đến nhờ uy tín đảm bảo chất lượng. Công ty càng ngày các phát triển đa ngành, đa nghề như sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông ly tâm và ép cọc xử lý nền móng các công trình dân dụng và công nghiệp. Đây là những mặt hàng rất có nhiều lợi thế trong ngành xây dựng cơ bản ở giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng và đô thị hoá. Đặc biệt là Thành phố Vinh mới được công nhận là đô thị loại 1 do đó thương hiệu và thị trường của Công ty càng ngày càng phát triển lớn mạnh.
- Về tài chính: tài chính của Công ty lành mạnh, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển
- Về lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Công ty không ngừng phát triển đa ngành, đa nghề, lấy xây lắp điện làm chủ lực. Hoạt động xây lắp điện có giá trị sản lượng và doanh thu chính chiếm khoảng 65% tổng giá trị sản lượng năm. Sản xuất công nghiệp chiếm tỷ lệ khoảng 25%. Hoạt động dịch vụ chiếm khoảng 10% giá trị tổng sản lượng năm 2009 và đang được xem là chiến lược đầu tư dài hạn.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Để đảm bảo công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước, vấn đề then chốt là phát triển mạng lưới cung cấp điện. Thủ tướng Chính phủ giao cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam là đơn vị giữ vai trò chính trong việc đảm bảo cung cấp điện ổn định, an toàn cho sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Thực hiện đầu tư phát triển các công trình lưới điện đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; đầu tư các dự án nguồn điện theo nhiệm vụ được giao...

Hiện nay mặc dù các công ty trong ngành đã hoạt động hết công suất nhưng vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng điện trong nước. Tình trạng thiếu điện vẫn tiếp diễn do một số dự án phát triển điện chậm tiến độ. Theo quy hoạch điện lần VI được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đảm nhận đầu tư khoảng 50% công suất phát điện mới và toàn bộ lưới điện đồng bộ, tổng vốn đầu tư cần thiết cho nguồn và lưới điện giai đoạn 2007-2015 ước tính 700.000 tỷ đồng. Trong giai đoạn 2006-2015, ngành điện cần xây dựng thêm 74 nhà máy và trung tâm điện lực với tổng công suất tới 81.000 MW.

Về truyền tải điện, hiện nay nước ta có hệ thống truyền tải điện với 115.659km đường dây 6kV, 10kV, 15kV, 22kV và 35kV với tổng công suất lên tới 3.662MVA và 109.199km đường dây 220V với tổng công suất lên tới 32.061 MVA. Hệ thống truyền tải điện sẽ phải tiếp tục mở rộng nhanh chóng để đáp ứng với sự phát triển của hệ thống phát điện.





8.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Doanh thu của VNECO 3 chủ yếu từ hoạt động xây lắp công trình điện (trạm biến áp, đường dây điện...), các công trình này do Tập đoàn Điện lực Việt Nam là chủ đầu tư dự án. VNECO 3 đã bắt đầu đấu thầu và thực hiện các dự án của Tập đoàn Điện lực từ năm 1997. Hiện nay VNECO 3 đang thực hiện các dự án: Đường dây 500Kv Sơn La – Hoà Bình, Sơn La - Hiệp Hoà, Phú Mỹ -Song Mã; Đường dây 220 Kv Ô Môn – Sóc Trăng, Đường dây 110 Kv Trảng Bàng - Tây Ninh và một số đường dây 35 Kv khác

Trong thời gian tới VNECO 3 phần đầu xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đa ngành với ba lĩnh vực chủ yếu sau: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Trong đó Công ty lấy xây lắp đường dây và trạm biến áp làm ngành nghề chủ đạo. Do nguồn vốn và nhân công có hạn nên Công ty sẽ tiến hành liên doanh liên kết với các đơn vị bạn để tham gia đấu thầu các công trình xây lắp có giá trị lớn. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư cho lĩnh vực sản xuất ống cống, cột điện bê tông ly tâm cung cấp cho các công trình xây dựng đồng thời tiến hành thử nghiệm sản xuất cọc bê tông ly tâm đáp ứng nhu cầu đô thị hóa.

Trong dài hạn, Công ty coi trọng phát triển dịch vụ đồng thời chú trọng đầu tư tăng tỷ lệ cơ giới hóa trong thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp theo hướng hiện đại hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ và tiết kiệm chống lãng phí.

Định hướng phát triển của Công ty phù hợp với định hướng của ngành và phù hợp với chính sách của Nhà nước.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến 31/01/2010, tổng số lao động của Công ty là 165 người, trong đó:

- Hợp đồng dài hạn: 83 người
- Hợp đồng ngắn hạn và thời vụ: 82 người

Trình độ chuyên môn lao động của Công ty như sau:

Trình độ chuyên môn	Số người
Đại học và trên đại học	13
Cao đẳng, trung cấp	11
Công nhân kỹ thuật	88
Lao động phổ thông	53
TỔNG	165





9.2. Chính sách đối với người lao động

9.2.1. Chế độ làm việc

- Công ty đã xây dựng Thỏa ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua ngày 04/02/2009 và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội Tỉnh Nghệ An chấp nhận ngày 10/03/2004. Thỏa ước và nội quy lao động được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Theo đó, giờ làm việc được qui định 44 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào chiều thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào chiều thứ 7 và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Công ty.
- **Chế độ làm thêm giờ:** Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Tổng số giờ làm thêm trong năm không quá 200 giờ, trường hợp đặc biệt cũng không quá 300 giờ.
- **Chế độ nghỉ hàng năm:** Người lao động trong điều kiện bình thường được nghỉ 12 ngày phép/năm, người lao động trong điều kiện đặc biệt nặng nhọc, độc hại được nghỉ 14, hoặc 16 ngày phép/năm. Ngoài ra, cứ 5 năm công tác được cộng thêm 01 ngày. Nghỉ lễ, tết 9 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau;
- **Chế độ ốm, đau, thai sản:** thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

9.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo

- **Tuyển dụng:** Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc.

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực xây lắp, sản xuất công nghiệp và xử lý nền móng công trình.

- **Đào tạo:** Công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia các chương trình đào tạo do Tổng Công ty hoặc các đơn vị khác tổ chức như học nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, hoặc ngoại ngữ, tin học..

Để đáp ứng yêu cầu công việc và nâng cao trình độ cho cán bộ công nhân viên, Công ty đã





tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ kinh phí đào tạo và bố trí công việc phù hợp với trình độ năng lực sau đào tạo

9.2.3. Chính sách tiền lương thưởng

- Chính sách tiền lương

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất góp phần xây dựng và phát triển Công ty.

Đối với cán bộ, nhân viên trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp trở lên thực hiện nâng bậc lương theo chế độ chính sách hiện hành của nhà nước. Đối với công nhân kỹ thuật Công ty tổ chức thi nâng bậc hàng năm theo quy định của nhà nước

- Chính sách thưởng, phúc lợi

Hàng năm Công ty đều có trích lập quỹ khen thưởng theo quy định để thực hiện chế độ khen thưởng định kỳ hoặc thưởng đột xuất. Tùy theo từng đợt phát động thi đua hoàn thành mục tiêu, tiến độ của Công trình hoặc thưởng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Ngoài ra các ngày lễ, tết như tết âm lịch, tết dương lịch, ngày 30/4, 1/5 và 2/9 tất cả người lao động đều được Công ty trích quỹ phúc lợi khen thưởng. Hàng năm người lao động được công ty tổ chức đi tham quan hoặc nghỉ dưỡng tại chỗ.

Công ty tham gia hội diễn văn nghệ công nhân lao động, hội thao thể thao do Tổng công ty tổ chức tạo điều kiện cho người lao động được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

10. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị công ty có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

Tỷ lệ chi trả cổ tức của VNECO 3 trong các năm 2008, 2009 như sau:

- Năm 2008: chi trả 7% cổ tức bằng tiền mặt.





- Năm 2009: chi trả 11% cổ tức bằng tiền mặt
- Công ty dự kiến mức chi trả cổ tức năm 2010 là 15%.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

▪ Trích khấu hao TSCĐ

Công ty thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình và thuê mua tài chính. TSCĐ được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	Từ 5 năm đến 20 năm
Máy móc thiết bị	Từ 1 năm đến 10 năm
Phương tiện vận tải	Từ 7 năm đến 13 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	Từ 4 năm đến 8 năm

▪ Mức thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của Công ty tăng đều qua các năm cụ thể là:

Năm 2007: 2,05 triệu đồng/người/tháng

Năm 2008: 2,2 triệu đồng/người/tháng

Năm 2009: 2,5 triệu đồng/người/tháng

Dự kiến năm 2010 thu nhập bình quân 3 triệu đồng/người/tháng

▪ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay.





▪ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện các khoản phải nộp theo quy định của Pháp luật. Số dư các khoản thuế phải nộp như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
- Thuế giá trị gia tăng	257.042.120	351.777.033
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.868.399	407.108.931
Cộng	312.910.519	758.885.964

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009)

Ghi chú:

- Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp tại ngày 31/12/2009 là khoản thuế phát sinh trong tháng 12/2009 và sẽ được nộp vào tháng 01/2010 theo quy định của Luật thuế GTGT.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp tại ngày 31/12/2009 bao gồm:
 - Thuế TNDN quý I/2009: 54.736.600 đồng được gia hạn nộp đến ngày 30/01/2010.
 - Thuế TNDN quý II/2009: 129.265.328 đồng được gia hạn nộp đến ngày 30/04/2010.
 - Thuế TNDN quý III/2009: 68.594.391 đồng được gia hạn nộp đến ngày 31/07/2010.
 - Thuế TNDN quý IV/2009: 154.512.613 đồng được gia hạn nộp đến 30/10/2010.

Việc gia hạn thời gian nộp thuế thực hiện theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn thực hiện số 12/2009/TT-BTC ngày 22/01/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn thời gian nộp thuế TNDN.

▪ Trích lập các quỹ

VNECO 3 thực hiện trích lập và sử dụng các quỹ tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Hàng năm Công ty sẽ trích từ lợi nhuận sau thuế một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ.





Mức trích lập các quỹ của Công ty năm 2008, 2009 như sau:

TT	Quỹ	Năm 2008	Năm 2009 (*)
1	Quỹ đầu tư phát triển	155.758.124	208.740.432
2	Quỹ dự phòng tài chính	41.317.944	62.227.331
3	Quỹ phúc lợi	27.790.774	37.336.399
4	Quỹ khen thưởng	0	12.445.466

(*) Mức trích lập các quỹ năm 2008 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2009 và được hạch toán vào năm 2009 sau khi ĐHĐCĐ thông qua, theo đó:

- Quỹ đầu tư phát triển (bằng 16,77% lợi nhuận sau thuế): 208.740.432 đ
- Quỹ dự phòng tài chính (bằng 5% lợi nhuận sau thuế): 62.227.331 đ
- Quỹ phúc lợi (bằng 3% lợi nhuận sau thuế): 37.336.399 đ
- Quỹ khen thưởng (bằng 1% lợi nhuận sau thuế): 12.445.446 đ

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên tổ chức ngày 20/02/2010, mức trích lập các quỹ năm 2009 như sau (hạch toán vào báo cáo tài chính năm 2010):

- Quỹ đầu tư phát triển (bằng 14,86% lợi nhuận sau thuế): 285.220.171 đ
- Quỹ dự phòng tài chính (bằng 5% lợi nhuận sau thuế): 95.961.391 đ
- Quỹ phúc lợi (bằng 2% lợi nhuận sau thuế): 38.384.556 đ
- Quỹ khen thưởng (bằng 1% lợi nhuận sau thuế): 19.192.278 đ

Số dư các quỹ của Công ty tại ngày 31/12/2008 và 31/12/2009 như sau:

TT	Quỹ	31/12/2008	31/12/2009
1	Quỹ đầu tư phát triển	521.601.170	730.341.602
2	Quỹ dự phòng tài chính	149.897.253	212.124.584
3	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	29.334	0
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-10.209.661	10.569.205

▪ **Tổng dư nợ vay**

Các khoản phải thu ngắn hạn:

Đơn vị tính: đồng





Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
Phải thu của khách hàng	6.824.873.961	8.336.630.641
Trả trước cho người bán	41.090.372	123.515.800
Các khoản phải thu khác	1.115.738.635	2.257.272.058
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-203.245.257	-203.245.257
Tổng	7.778.457.711	10.514.173.242

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009)

Do đặc thù ngành sản xuất kinh doanh là xây dựng và sản xuất vật liệu ngành điện, thời gian thi công kéo dài, giá trị sản phẩm hàng hóa nên số dư các khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản của Công ty. Tại ngày 31/12/2009, khoản phải thu ngắn hạn chiếm 64,33% trong tổng tài sản ngắn hạn và 47,36% trong tổng nguồn vốn.

Các khoản phải thu tăng 35,18% trong khi doanh thu tăng với tốc độ thấp hơn (9,65%) chứng tỏ Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều hơn.





Các khoản phải thu khác của VNECO 3 tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

- Phải thu của CBCNV vay mượn tạm thời: 1.233.917.413đ
- Phải thu của Tổng Công ty VNECO: 723.405.775đ
- Phải thu khác: 299.948.870đ

Cộng: 2.257.272.058đ

Các khoản phải thu dài hạn: Không có

Các khoản phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009
Phải trả người bán	282.223.189	296.290.076
Người mua trả tiền trước	566.917.020	721.367.994
Thuế và các khoản phải nộp NN	312.910.519	758.885.964
Phải trả người lao động	1.303.488.936	2.131.400.311
Chi phí phải trả	113.792.794	161.793.811
Các khoản phải trả khác	1.571.977.941	1.220.441.564
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-10.209.661	10.569.205
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	171.810.303	152.174.090
Tổng	4.312.911.041	5.452.923.015

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009)

Các khoản phải trả của VNECO 3 tại ngày 31/12/2009 là 5,44 tỷ đồng, chiếm 24,56% tổng tài sản của Công ty. Trong đó:

- Các khoản nợ phải trả người bán: bao gồm các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp nguyên vật liệu, cung cấp dịch vụ...
- Người mua trả tiền trước: là khoản tiền người mua trả tiền trước theo tiến độ hợp đồng để mua sản phẩm của Công ty.
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: đã được đề cập chi tiết trong phần các khoản phải nộp theo luật định tại mục 11.1 ở trên.
- Phải trả người lao động: là khoản tiền lương tháng 12 đã trích, sẽ thanh toán trong tháng 01/2010 theo quy định.
- Chi phí phải trả: là chi phí trích trước vào sản xuất kinh doanh của các công trình, tiền điện nước, phí kiểm toán, tư vấn, dự tính lãi vay phải trả...





- Các khoản phải trả khác bao gồm:
 - o Kinh phí công đoàn
 - o Các khoản phải trả, phải nộp khác

Vay và nợ ngắn hạn: Tại ngày 31/12/2009 Công ty có khoản vay ngắn hạn ngân hàng TM Cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Bến Thủy thành phố Vinh, Nghệ an như sau:

Tổng giá trị hợp đồng vay: 664.715.017đ

Thời hạn vay 12 tháng

Mục đích vay: để phục vụ sản xuất kinh doanh

Khoản vay này đã được VNECO 3 tất toán theo hợp đồng vào tháng 1/2010.

Vay dài hạn: Tại ngày 31/12/2009 Công ty không có khoản vay dài hạn.

Nợ quá hạn: Không có

Hàng tồn kho:

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009
1	Nguyên liệu, vật liệu	822.196.150	682.507.702
2	Công cụ, dụng cụ	21.764.152	21.893.905
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.260.139.388	1.470.129.317
4	Thành phẩm	664.632.873	629.342.755
5	Hàng gửi bán	4.157.919	4.157.919
	Tổng	2.772.890.482	2.808.031.598

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng hàng tồn kho của Công ty do đặc thù sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp quá trình xây dựng, đầu tư dự án với thời gian thi công kéo dài.

Danh mục các công trình có tỷ trọng chi phí dở dang lớn của Công ty tại ngày 31/12/2009 bao gồm:

- Đường dây 220kV Ô Môn – Sóc Trăng
- Đường dây 500kV Sơn La – Hòa Bình – Nho Quan
- Cải tạo lưới điện trung hạ thế thị xã Hà Tĩnh lô thầu 9.3
- Đường dây 35kV Nghĩa Đàn





11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2008	2009
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	2,87	2,74
2	Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	2,26	2,27
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,26%	27,55%
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,04%	38,03%
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,74	4,07
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,72	0,68
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,02	12,68
2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,53	11,93
3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,46	8,64
4	Hệ số lợi nhuận từ Sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	9,24	13,34

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008, 2009)

- Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán của Công ty khá tốt. Hệ số thanh toán nhanh tại ngày 31/12/2009 là 2,74 lần, như vậy Công ty hoàn toàn có thể đảm bảo cho các khoản nợ, khoản vay bằng tài sản.
- Hệ số nợ: Đối với công ty hoạt động trong ngành xây dựng, sản xuất công nghiệp thì hệ số nợ trên tổng tài sản của VNECO 3 khá thấp, mức độ an toàn vốn của Công ty cao. Tuy nhiên do đòn bẩy tài chính thấp nên tỷ lệ sinh lời của vốn chủ sở hữu sẽ không cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Do ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm cả xây dựng công trình điện và sản xuất phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm cho nên vòng quay hàng tồn kho khá tốt so với các công ty chỉ chuyên ngành xây dựng khác. Năm 2008 vòng quay của công ty là 3,74 lần, vòng quay này tăng lên thành 4,07 lần trong năm 2009. Vòng quay hàng tồn kho càng cao thì Công ty càng tiết kiệm được chi phí lưu kho cũng như tăng nhanh vòng quay vốn.





Vòng quay doanh thu thuần trên tổng tài sản của Công ty đạt 0,72 lần năm 2008 và 0,68 lần năm 2009. Vòng quay doanh thu trên tổng tài sản thấp dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty chưa cao.

- Khả năng sinh lời: tỷ suất lợi nhuận của Công ty ở mức chưa cao nhưng tăng theo thời gian và tăng đều ở các chỉ tiêu. Đây là dấu hiệu tốt. Nếu trong thời gian tới với các chiến lược tăng doanh thu, giảm giá vốn và cơ giới hóa sản xuất, Công ty sẽ có thể cải thiện được khả năng sinh lời để mang lại lợi nhuận cao hơn cho cổ đông.

12. Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 bao gồm 05 thành viên:

- Ông Trần Văn Huy Chủ tịch HĐQT
- Ông Đậu Ngọc Thanh Thành viên HĐQT
- Nguyễn Khắc Thân Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Văn Từ Thành viên HĐQT
- Bà Trần Thị Phương Mai Thành viên HĐQT

Dưới đây là hồ sơ cá nhân của các thành viên trong Hội đồng quản trị.

12.1.1 Ông Trần Văn Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Trần Văn Huy
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/05/1965
- Nơi sinh: Xã Ân Phú, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng
- Chứng minh nhân dân số 201430374 do Công an Quảng Nam Đà Nẵng cấp ngày 09/9/1996
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế; Cao cấp lý luận chính trị.





- Quá trình công tác

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
07/1987- 02/1988	Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế Đại học kinh tế - đại học Huế
03/1988 -10/1994	Cán bộ kinh tế dự toán, phòng kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
11/1994 -11/1995	Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
12/1995 - 08/1999	Phó chánh văn phòng, Chánh văn phòng – Công ty Xây lắp điện 3
09/1999 -09/2002	Trưởng phòng Kinh tế - kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
10/2002 – 11/2005	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ nhà nước- Bộ Công nghiệp)
12/2005 -12/2006	Trưởng phòng kế hoạch Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
1/2007- đến nay	Phó Tổng Giám đốc- Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam
2/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3

- Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP xây dựng điện VNECO3

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch xanh Nghệ An, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam.

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Số cổ phần đại diện ủy quyền của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO): 395.963 cổ phần, chiếm 30 % vốn điều lệ.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

12.1.2 Ông Đậu Ngọc Thanh – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Đậu Ngọc Thanh

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: 01/11/1954





- Nơi sinh: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khối 19, phường Hưng Bình, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: 182201884 do Công an Nghệ An cấp ngày 24/01/1997
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

- Quá trình công tác

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
2/1979 – 9/1986	Cán bộ kỹ thuật nhà máy cơ khí Nông nghiệp 1 Thanh Hoá
10/1986 – 3/1993	Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
4/1993 – 12/1996	Phó phòng kỹ thuật - kế hoạch Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
1/1997 – 3/1999	Phó phòng điều hành - Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
4/1999 – 12/2002	Trưởng phòng điều hành - Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
1/2003 – 6/2009	Phó Giám đốc – Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3
7/2009 đến nay	Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO3

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc công ty
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.400 cổ phần, chiếm 1,54% vốn điều lệ
 - + Số cổ phần đại diện ủy quyền của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (VNECO): 302.609 cổ phần, chiếm 22,93% vốn điều lệ.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.3 Ông Nguyễn Khắc Thân – Thành viên Hội đồng Quản trị





- Họ và tên: Nguyễn Khắc Thân
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/09/1953
- Nơi sinh: xã Bồi Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khối 10, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: 181979760 do Công an Nghệ an cấp ngày 06/06/1991
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp xây dựng cơ bản
- **Quá trình công tác**

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1/1972 - 12/1985	Trung úy Trung đoàn 223 – Quân khu 4
1/1985 - 10/1988	Cán bộ kỹ thuật – Đội xây lắp điện 3- Công ty Xây lắp đường dây và trạm 5
11/1988 - 3/1992	Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
4/1992 - 11/1994	Cán bộ kỹ thuật- Chi nhánh A2 đường dây 500kv
12/1994 - 3/1999	Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
4/1999 - 10/2003	Phó phòng điều hành – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
11/2003 - 6/2006	Phó phụ trách phòng kỹ thuật – Công ty cổ phần Xây lắp điện 3.3
7/2006- 6/2008	Trưởng phòng kỹ thuật – Công ty CP Xây dựng điện VNECO3
7/2008 đến nay	Trưởng phòng kinh tế - Kế hoạch – Công ty CP Xây dựng điện VNECO3

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần VNECO 3 cá nhân sở hữu: 10.912 CP, chiếm 0,82% vốn điều lệ
- Số cổ phần sở hữu đại diện vốn Tổng Công ty Xây dựng điện VNECO Không
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không





- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.4 Ông Nguyễn Văn Từ - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Từ**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/08/1962
- Nơi sinh: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: xóm 7, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: 180398122 do Công an Nghệ An cấp ngày 17/03/2007
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- **Quá trình công tác**

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
8/1985 - 4/1988	Nhân viên kế toán - Công ty Xây lắp đường dây và trạm 5
5/1988 - 9/1995	Kế toán trưởng - Đội xây lắp điện 3- Công ty Xây lắp điện 3
10/1995 - 9/1999	Kế toán trưởng - Tổng đội xây lắp điện 1- Công ty Xây lắp điện 3
10/1999 - 6/2003	Kế toán trưởng – Xí nghiệp Xây lắp điện Hải Vân
7/2003 - 10/2003	Kế toán trưởng – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
11/2003 đến nay	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO3

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần VNECO 3 cá nhân sở hữu: 24.404 CP, chiếm 1,84% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.5 Bà Trần Thị Phương Mai – Thành viên Hội đồng Quản trị





- Họ và tên: **Trần Thị Phương Mai**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 01/01/1959
- Nơi sinh: Khối 3, phường Đội Cung, TP Vinh, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khối 3, phường Đội Cung, TP Vinh, Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: 186519753 do Công an Nghệ An cấp ngày 08/03/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện
- **Quá trình công tác**

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
2/1982- 3/1988	Nhân viên phòng kế hoạch – Xí nghiệp Xây lắp đường dây khu vực I
4/1988 - 3/1993	Nhân viên phòng kế hoạch – Công ty Xây lắp điện 3
4/1993 - 12/1996	Nhân viên phòng kế hoạch - kỹ thuật -XN bê tông ly tâm và XD điện Vinh
1/1997 - 6/1998	Cán bộ dự toán - Phòng điều hành- XN Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
7/1998 - 3/1999	Phó phòng Tổ chức lao động - Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
4/1999 - 10/2003	Trưởng phòng Tổ chức lao động -X í nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
11/2003 đến nay	Trưởng phòng Tổ chức hành chính – Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO3

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần VNECO 3 cá nhân sở hữu: 11.437 CP, chiếm 0,86% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không





12.2. Giám đốc Công ty: Ông Đậu Ngọc Thanh

Sơ yếu lý lịch của Ông Đậu Ngọc Thanh được đề cập tại mục 12.1.2 ở trên.

12.3. Ban Kiểm soát

12.3.1 Ông Nguyễn Thế Dũng – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Thế Dũng**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/08/1972
- Nơi sinh: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khối 3, phường Trung Đô, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: 181931832 do Công an Nghệ An cấp ngày 04/10/2009
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân xã hội học
- **Quá trình công tác**

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
1/1992 -2/1996	Công nhân cơ khí, Xưởng cơ điện- Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
3/1996 - 5/1998	Điều động đi nghĩa vụ quân sự - Bộ chỉ huy quân sự Nghệ An
6/1998 - 12/1998	Trở về đơn vị cũ – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
1/1999 – 12/2002	Cử đi học đại học công đoàn
1/2003 – 12/2008	Nhân viên phòng TCHC – Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO3

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần VNECO 3 đang sở hữu: 2.753 cổ phần, chiếm: 0,20% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không





- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.3.2 Bà Nguyễn Thị Hồng Vinh – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Hồng Vinh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/01/1974
- Nơi sinh: Thành phố Vinh, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khối Trung Hòa, phường Lê Mao, TP Vinh, Nghệ an
- Chứng minh nhân dân: 182157634 do Công an Nghệ An cấp ngày: 29/7/2003
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành kế toán
- **Quá trình công tác**

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
11/1999-10/2003	Nhân viên thống kê vật tư – Xí nghiệp Bê tông ly tâm và Xây dựng điện Vinh
11/2003 đến nay	Nhân viên thống kê vật tư – Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần VNECO 3 cá nhân đang sở hữu: 1.973 cổ phần, chiếm: 0,14% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.3.3 Bà Phạm Thị Tuyết – Thành viên Ban Kiểm soát

- Họ và tên: **Phạm Thị Tuyết**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 16/07/1957





- Nơi sinh: xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khối 12, phường Trung Đô, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Chứng minh nhân dân: 181075532 do Công an Nghệ An cấp ngày 20/10/2007
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Lao động tiền lương
- **Quá trình công tác**

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
12/1978 - 3/1979	Công nhân xây dựng – Công ty Xây dựng 6
4/1979 - 7/1980	Công nhân cơ khí - Xí nghiệp Xây lắp đường dây khu vực I
8/1980 - 6/1987	Thủ kho và văn thư - Công ty Xây lắp đường dây và trạm 5
7/1987 - 10/2003	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính- Xí nghiệp Bê tông ly tâm và xây dựng điện Vinh
11/2003 đến nay	Nhân viên phòng Tổ chức hành chính- Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO3

- Chức vụ hiện nay: Thành viên BKS
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Số cổ phần VNECO 3 cá nhân đang sở hữu: 3.580 cổ phần, chiếm: 0,27% vốn điều lệ
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của Công ty:
 - Con: Hồ Thanh Tùng
 - Số cổ phần sở hữu: 2.000 cổ phần, chiếm: 0,15 % vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.4. Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty là Ông Nguyễn Văn Từ, đồng thời, sơ yếu lý lịch đã đề cập trong phần 12.1.4 về thành viên Hội đồng quản trị.





13. Tài sản

13.1. Tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	9.888.097.852	6.655.237.899	3.232.859.953
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.941.969.905	3.078.622.110	863.347.795
2	Máy móc thiết bị	3.046.805.034	2.073.265.749	973.539.285
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.541.235.407	1.313.049.561	1.228.185.846
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	358.087.506	190.300.479	167.787.027
II	Tài sản cố định vô hình	0	0	0

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2009)

13.2. Đất đai nhà xưởng

Tình hình đất đai nhà xưởng tại thời điểm 31/12/2009

Địa chỉ	Vị trí	Năm đưa vào sử dụng	Tổng diện tích (m ²)
Khối 3 Phường Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	Thửa 48-26	2004	15.169,3
	Thửa 47-3	2004	1.712,7
	Thửa 26	2004	866,3
Tổng			17.748,3

(Nguồn: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3)

Ghi chú: Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên môi trường từ ngày 09/11/2004, trả tiền thuê đất hàng năm.





14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Kế hoạch 2010	
		Giá trị	Thay đổi so với 2009 (%)
Vốn điều lệ	13.197.100.000	13.197.100.000	0,00%
Doanh thu thuần	15.135.499.748	25.000.000.000	71,78%
Lợi nhuận sau thuế	1.919.227.813	2.400.000.000	13,33%
Tỷ suất LNST/Vốn chủ sở hữu	11,93%	15,45%	2,27%
Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	12,68%	9,60%	-4,31%
Tỷ lệ cổ tức (%)	11,00%	15,00%	4,00%

Các căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Công ty vẫn lấy thế mạnh xây lắp đường dây và trạm biến áp làm ngành nghề chủ đạo, bên cạnh đó phát triển dịch vụ và kinh doanh các ngành nghề khác, cụ thể như sau:

Tiếp tục xây dựng VNECO3 phát triển trở thành một doanh nghiệp Sản xuất kinh doanh đa ngành với 3 lĩnh vực chủ yếu sau: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Trong đó cần tập trung một số điểm mấu chốt như sau:

- Lấy xây lắp điện làm chủ lực có giá trị sản lượng và doanh thu chính chiếm khoảng 75% tổng giá trị sản lượng năm, sản xuất công nghiệp làm phụ trợ với tỷ lệ khoảng 15%, Dịch vụ được xem là chiến lược đầu tư dài hạn chiếm khoảng 10% giá trị tổng sản lượng năm 2009.
- Trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp: tăng cường đầu tư thêm khuôn ống công để đáp ứng tiến độ cho khách hàng. Xác định đây là nguồn thu chính lấy ngắn nuôi dài trong những tháng rất khó khăn mà cả nước đang tích cực chống lạm phát. Mặt khác thử nghiệm sản xuất cọc bê tông ly tâm đáp ứng nhu cầu đô thị hoá.
- Trong lĩnh vực dịch vụ: sắp xếp tổ chức lại bộ phận ép cọc xử lý nền móng công trình, đồng thời đưa máy ép thứ 2 vào hoạt động để tăng thêm sản lượng và doanh thu vì đây là phần việc chủ yếu sử dụng máy móc thiết bị và nhân công ít bị ảnh hưởng đến sự biến động giá cả của các loại vật tư.
- Tăng cường liên doanh liên kết với các đơn vị bạn để tham gia đấu thầu các công trình xây lắp có giá trị lớn.





- Phân đầu đạt mức cổ tức 15% năm, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước; giải quyết đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao mức thu nhập cho người lao động (3 triệu đồng/người/tháng).
- Tiếp tục xây dựng và ban hành một số quy chế quản lý Công ty còn thiếu cải tiến, hoàn thiện một số quy chế đã ban hành cho phù hợp với luật doanh nghiệp mới và các quy định hiện hành của Nhà nước và tình hình thực tế của doanh nghiệp.
- Nghiên cứu thị trường, sản phẩm có nhu cầu để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty sang các lĩnh vực: sản xuất cọc bê tông ly tâm dự ứng lực, dịch vụ sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, Tư vấn giám sát công trình xây dựng.
- Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, xe máy, dụng cụ thi công chuyên ngành xây lắp điện nhằm tăng tỷ lệ cơ giới hoá trong thi công xây dựng dân dụng và công nghiệp. Cố gắng đầu tư, mua sắm loại mới sản xuất 100%.
- Thực hiện công tác tuyển dụng mới, đào tạo lại nguồn nhân lực hiện có của Công ty từ nhân sự kế cận cho bộ máy quản lý đến công nhân trực tiếp sản xuất đảm bảo trình độ, đã qua đào tạo cơ bản, có năng lực và nhiệt huyết với sự phát triển của Công ty. Đào tạo tác phong làm việc công nghiệp, văn minh hiện đại.
- Tiếp tục nghiên cứu tổ chức biên chế bộ máy quản lý từ Công ty đến đơn vị trực thuộc sao cho tinh giảm, hiệu lực và hiệu quả.
- Tiếp tục duy trì việc triển khai 3 chương trình lớn mà Tổng công ty đã đề ra gồm:
 - Chương trình hiện đại hoá doanh nghiệp.
 - Chương trình nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.
 - Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	
			Giá trị	Tỷ lệ tăng so 2009
1	Vốn điều lệ	13.197,10	13.197,10	0,00%
2	Giá trị sản lượng	51.000,00	52.000,00	1,96%
3	Doanh thu	15.135,00	25.000,00	65,18%
3.1	Doanh thu Xây lắp	11.044,00	20.000,00	81,09%
	Trong đó:			
a	Hợp đồng với VNECO	5.087,00	6.000,00	17,95%





b	Hợp đồng với chủ đầu tư khác	4.371,00	10,00	-99,77%
c	Hợp đồng với các đơn vị trong VNECO	1.586,00	4,00	-99,75%
3.2	Doanh thu sản xuất công nghiệp	3.601,00	4.000,00	11,08%
3.3	Doanh thu du lịch, dịch vụ	490,00	1.000,00	104,08%
4	Tổng chi phí			
4.1	Chi phí giá vốn	11.411,00	15.000,00	31,45%
4.2	Chi phí hoạt động tài chính	94,00	300,00	219,15%
	<i>Trong đó: Lãi vay ngân hàng</i>	31,60	250,00	691,14%
4.3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.892,00	2.100,00	10,99%
5	Lợi nhuận trước thuế	2.326,30	3.200,00	37,56%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.919,20	2.400,00	25,05%
7	Nộp ngân sách	981,00	949,90	-3,17%
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Thuế GTGT</i>	<i>892,00</i>	<i>850,00</i>	<i>-4,71%</i>
	<i>Thuế TNDN</i>	<i>39,10</i>	<i>50,00</i>	<i>27,88%</i>
	<i>Thuế khác</i>	<i>49,90</i>	<i>49,90</i>	<i>0,00%</i>
8	Xây dựng cơ bản	126,00	2.000,00	1.487,30%
	<i>Vốn tự có</i>	<i>126,00</i>	<i>1.000,00</i>	<i>693,65%</i>
	<i>Vốn vay</i>	<i>0,00</i>	<i>1.000,00</i>	<i>100,00%</i>
	<i>Vốn khác</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0,00%</i>

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây lắp điện VNECO 3)

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết:

Không có.





V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

1.319.710 cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật

Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 784.231 cổ phần, bao gồm 2 loại:

- Loại 1: Số lượng cổ phần của cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng) và cổ đông lớn với tổng số 774.031 cổ phần sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phần nắm giữ trong thời gian 6 tháng và hạn chế chuyển nhượng 50% số cổ phần nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo kể từ ngày chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Chi tiết như sau:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần hiện đang nắm giữ	Số cổ phần cam kết nắm giữ trong 6 tháng	Số cổ phần cam kết nắm giữ trong 1 năm
1	Đậu Ngọc Thanh	Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty	20.400	20.400	10.200
2	Trần Thị Phương Mai	Thành viên HĐQT	11.437	11.437	5.718
3	Nguyễn Khắc Thân	Thành viên HĐQT	10.912	10.912	5.456
4	Nguyễn Văn Từ	Thành viên HĐQT Kế toán trưởng	24.404	24.404	12.202
5	Nguyễn Thế Dũng	Trưởng Ban Kiểm soát	2.753	2.753	1.376
6	Phạm Thị Tuyết	Thành viên Ban Kiểm soát	3.580	3.580	1.790
7	Nguyễn Thị Hồng Vinh	Thành viên Ban Kiểm soát	1.973	1.973	987
8	Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO	Cổ đông lớn	698.572	698.572	349.286
Cộng			774.031	774.031	387.015





- Loại 2: Năm 2007, Công ty có phát hành cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt, số cổ phiếu này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 3 năm kể từ ngày phát hành (hạn chế đến hết ngày 31/05/2010). Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 70.940 cổ phần.

Trong đó:

- o Cổ đông nội bộ sở hữu: 60.740 cổ phần (số cổ phần này đã nằm trong phần 774.031 cổ phần hạn chế chuyển nhượng của cổ đông nội bộ nêu trên).
- o Cán bộ khác không trong danh sách cổ đông nội bộ: 10.200 cổ phần, bao gồm:

Lê Văn Quyên:	5.000 cổ phần
Trần Thị Lương:	5.000 cổ phần
Trịnh Xuân Thắng:	200 cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị mỗi cổ phần theo sổ sách kế toán được tính bằng tổng nguồn vốn chủ sở hữu theo sổ sách kế toán (đã trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, nguồn kinh phí) chia cho tổng số cổ phần.

Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2008 của Công ty như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá 1 cổ phần} = \frac{14.594.150.386}{1.319.710} = 11.059 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009 của Công ty như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu - Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá 1 cổ phần} = \frac{16.084.414.519}{1.319.710} = 12.188 \text{ đồng/cổ phần}$$





6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài

Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết. Cụ thể tỷ lệ nắm giữ tối đa là 49% tổng số cổ phiếu của Công ty theo Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18/06/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam.

7. Các loại thuế có liên quan

- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau:
 - o Đối với mặt hàng ống công: 5% tính trên giá bán
 - o Đối với hoạt động xây lắp: 10% tính trên giá bán đối với các hợp đồng sau năm 2003 và 5% tính trên giá bán đối với các hợp đồng trước năm 2003.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập hiện hành. Năm 2007 và 2008 Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 50% theo quy định tại Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Năm 2009 Công ty chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%. Công ty được giảm, gia hạn thời gian nộp thuế theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ.

- Thuế môn bài: Nộp theo quy định của cơ quan thuế, đơn vị thường nộp vào thời điểm đầu năm.





VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08-39305163

Fax: 08-39304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT (TVSI)

Địa chỉ: Số 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04 37280921

Fax: 04 37280920

Email: contact@tvs.com.vn

Website: www.tvs.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty
2. Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009
3. Quyết định của ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết cổ phiếu của Công ty
4. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT
5. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty
6. Cam kết nắm giữ của các thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT
7. Quy chế quản trị công ty
8. Các tài liệu quy định khác





Ngày tháng năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Trần Văn Huy

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đậu Ngọc Thanh

Nguyễn Thế Dũng

Nguyễn Văn Từ

TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT



